TỔNG CÔNG TY VIWASEEN
CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Số: 232/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
V/v phê duyệt giao dịch với Công ty có liên quan

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viwaseen3;

- Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Xét Tờ trình số 229./2026/TTr-VW3 ngày 12./.11/2026 của Giám đốc về việc phê duyệt giao dịch với Công ty có liên quan;

- Ý kiến của các thành viên HĐQT thuộc đối tượng biểu quyết tại Phiếu xin ý kiến số 230/2026/PYK-HĐQT ngày 12/.11/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phê duyệt giao dịch với Công ty có liên quan như sau:

1. Các bên liên quan

- Bên nhận thầu: Công ty cổ phần Viwaseen3.

- Bên giao thầu (Công ty có liên quan): Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex xây dựng.

+ Công ty CP Viwaseen3 là doanh nghiệp cấp 2 của Tổng công ty cổ phần Vinaconex, trong đó Tổng công ty Viwaseen nắm giữ 54,5% vốn điều lệ; Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex xây dựng và Tổng Công ty Viwaseen thuộc nhóm các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty CP Vinaconex, có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác;

2. Nội dung chủ yếu của giao dịch

- Phạm vi công việc của hợp đồng: Cung cấp vật tư và thi công hệ thống cấp nước, thoát nước thải và thông tin liên lạc hạ tầng dự án Đầu tư xây dựng Phân khu A - Khu đô thị phía Bắc Quốc lộ 5, thuộc khu đô thị Phố Nối.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và biên bản thống nhất tại hiện trường.
- Giá trị hợp đồng tạm tính đã bao gồm **8%** thuế GTGT: **4.868.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn tỉ tám trăm sáu mươi tám triệu đồng)

Điều 2. Thông qua Dự thảo hợp đồng với các nội dung chính tại Điều 1.

(Dự thảo hợp đồng kèm theo).

HĐQT giao Giám đốc Công ty đàm phán, hoàn thiện các điều khoản hợp đồng, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng đảm bảo quy định pháp luật.

Điều 3. Các Ông (Bà): Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban căn cứ nội dung Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BKS C.Ty;
- Lưu: TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0102133351 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Văn Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3, L=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, UID=MST:0102133351, E=KXDTCKT@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.17 10:51:32+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.1

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ

Số: 0211/2026/PNA/HĐTP/VC-VW3

Ngày / /2026

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINACONEX XÂY DỰNG

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3

<u>Gói thầu</u>: Cung cấp vật tư và thi công hệ thống cấp nước, thoát nước thải và thông tin liên lạc hạ tầng

Dự án: Đầu tư xây dựng Phân khu A – Khu đô thị phía Bắc Quốc lộ 5, thuộc khu đô thị Phố Nối

Địa điểm: xã Lạc Đạo và Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Hợp đồng này bao gồm Thỏa thuận Hợp đồng, Các điều kiện Hợp đồng, các Phụ lục và các Tài liệu hợp đồng khác (nếu có), cấu thành nội dung hoàn chỉnh và là những thành phần không thể tách rời của Hợp đồng.

.....

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 02 tháng 11 năm 2026 tại Trụ sở Công ty TNHH một thành viên Vinaconex xây dựng, chúng tôi gồm:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINACONEX XÂY DỰNG

MSDN/MST: 0107926315

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện: Ông **Lê Văn Thắng** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Điện thoại: 0934582698

Tài khoản số: 05411 88 99 66 99 Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long

Tài khoản số: 8699226688 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông

Tài khoản số: 1165959599 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức

Là bên thứ nhất và sau đây được gọi là *"**Nhà thầu chính**" hoặc "**Thầu chính**"* hoặc "**Bên A**"

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3

MSDN/MST: 0102133351

Địa chỉ: Km 14+500 Quốc lộ 1A, Xã Ngọc Hồi, TP Hà Nội, Việt Nam

Đại diện: Ông **Nguyễn Phi Hòa** Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại: 02438615419

Tài khoản số: 1801101896869 Tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Trì, Hà Nội.

Là Bên thứ hai và sau đây được gọi là "Nhà thầu phụ" hoặc "Thầu phụ" hoặc "Bên B"

Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ sau đây sẽ được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các bên"

Xét rằng:

+ Nhà thầu chính mong muốn Nhà thầu phụ thực hiện và hoàn thành Công việc tuân thủ và bị ràng buộc bởi các điều kiện và điều khoản sẽ được mô tả chi tiết và rõ ràng sau đây của Hợp đồng này.

+ Nhà thầu phụ sẵn sàng và có năng lực để thực hiện Công việc tuân theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng,

Do vậy, sau khi xem xét hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung như sau:

1. Trong thỏa thuận này các từ và cụm từ phải có cùng nghĩa được ấn định riêng cho các cụm từ trong các Tài liệu Hợp đồng đã đề cập
2. Các tài liệu sau đây phải được coi như là để cấu thành, được hiểu và diễn giải như một phần của Thỏa thuận này. Thỏa thuận này phải được ưu tiên hơn tất cả các tài liệu Hợp đồng khác.

2.1. Dữ liệu Hợp đồng

2.2. Điều kiện riêng của Hợp đồng

2.3. Các điều kiện chung Hợp đồng.

2.4. Các Phụ lục Hợp đồng

Phụ lục 1: Ma trận Phạm vi công việc

Phụ lục 2: Bảng chi tiết giá hợp đồng.

Phụ lục 3: Phương pháp đo bóc khối lượng

Phụ lục 4: Sơ đồ tổ chức công trường và danh sách cán bộ, kỹ sư chủ chốt

Phụ lục 5: Danh mục, tiến độ huy động thiết bị và tiến độ thi công.

Phụ lục 6: Phạt khi vi phạm nội quy công trường

Phụ lục 7: Các mẫu bảo lãnh: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng, Bảo lãnh bảo hành.

Phụ lục 8: Hồ sơ pháp lý của Nhà thầu phụ.

Phụ lục 9: Tài liệu về các yêu cầu đặc biệt trên công trường, an toàn, quy trình nghiệm thu, Phương pháp đo bóc khối lượng, Bảo hành,...

2.5. Các tài liệu hợp đồng khác được hai bên thống nhất, bao gồm nhưng không giới hạn ở các Bản vẽ, tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động, quy định về thương hiệu, chính sách chất lượng (nếu có)

2.6. Hồ sơ hợp đồng thầu chính (không bao gồm giá của thầu chính và điều kiện giải ngân)

Nhà thầu phụ được coi là đã kiểm tra và đảm bảo có đủ và hiểu tất cả các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng này và được coi là đã giữ các tài liệu này. Trong trường hợp Nhà thầu phụ phát hiện ra bất cứ sự sai lệch, thiếu sót, mâu thuẫn trong Hợp đồng này thì Nhà thầu phụ phải lập tức thông báo cho Nhà thầu chính bằng văn bản và theo đó Nhà thầu chính sẽ trả lời bằng văn bản cho Nhà thầu phụ. Bất kể công việc nào do Nhà thầu phụ thực hiện bị ảnh hưởng bởi sự phát hiện nêu trên trước khi có văn bản làm rõ của Nhà thầu chính sẽ do Nhà thầu phụ gánh chịu rủi ro và chi phí.

Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng đề cập từ mục 2.1 đến 2.6 nêu trên là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp các bên không thống nhất được thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành Hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất thì thứ tự ưu tiên các tài liệu được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng thầu chính.

3. **Giá hợp đồng**: **4.868.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu đồng*) bao gồm VAT. (Thuế VAT sẽ tuân theo quy định của Nhà nước tại thời điểm nghiệm thu thanh toán thực tế)

4. **Thông báo**

Bất kỳ thông báo nào được phát hành cho Các bên theo như điều kiện hợp đồng sẽ được chuyển tới các địa điểm sau đây hoặc tới các địa chỉ được Các bên thông báo bằng văn

bản.

NHÀ THẦU CHÍNH

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Người nhận: Ông **Lê Văn Thắng** – Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Điện thoại: 0934582698

NHÀ THẦU PHỤ

Địa chỉ: Km 14+500 Quốc lộ 1A, Xã Ngọc Hồi, TP Hà Nội, Việt Nam

Người nhận: Ông **Nguyễn Phi Hòa** – Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại: 02438615419

5. **Ngôn ngữ của Hợp đồng:**

Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt (ngoại trừ phần liên quan tới Hợp đồng chính ký giữa Chủ đầu tư và Thầu chính sử dụng ngôn ngữ của Hợp đồng chính để hiểu và diễn giải), tất cả các tài liệu, thư từ giao dịch liên quan tới Hợp đồng cũng sẽ bằng tiếng Việt.

6. **Hiệu lực Hợp đồng:**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký kết.

7. **Điều khoản thi hành:**

- Các Bên cam kết những thông tin ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật và việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.
- Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và được ký bởi người đại diện có thẩm quyền của Các Bên.
- Không Bên nào có quyền chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên kia.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có sự khác biệt giữa Hợp đồng này và các thỏa thuận trước ngày ký Hợp đồng này giữa các Bên thì các quy định tại Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng.
- Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa được hiểu và quy định tại Điều 1 - Định nghĩa của Các điều kiện Hợp đồng.
- Trừ khi các bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng, các điều khoản trong Hợp đồng này có hiệu lực độc lập. Sự vô hiệu của một hoặc một số điều khoản trong Hợp đồng này không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản còn lại khác.

Hợp đồng này được lập thành Bốn (04) bản. Nhà thầu chính giữ hai (02) bản, Nhà thầu phụ giữ hai (02) bản có giá trị như nhau.

DƯỚI SỰ LÀM CHỨNG, những đại diện được ủy quyền hợp lệ của các bên đã nhất trí thực hiện Hợp đồng này vào ngày, tháng, năm đã ghi ở trên.

NHÀ THẦU CHÍNH	**NHÀ THẦU PHỤ**
Tên: Ông **Lê Văn Thắng**	Tên: Ông **Nguyễn Phi Hòa**
Chức vụ: Tổng Giám đốc	Chức vụ: Giám đốc
Chữ ký:	Chữ ký:

DỮ LIỆU HỢP ĐỒNG

(Của hợp đồng thầu phụ số: 0211/2026/PNA/HĐTP/VC-VW3 ký ngày 02 tháng 11 năm 2026 giữa Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng và CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3)

Điều kiện	Điều khoản trong ĐKC của hợp đồng	Dữ liệu
Dự án	1.1	Đầu tư xây dựng Phân khu A – Khu đô thị phía Bắc Quốc lộ 5, thuộc khu đô thị Phố Nối
Gói thầu	1.1	Cung cấp vật tư và thi công hệ thống cấp nước, thoát nước thải và thông tin liên lạc hạ tầng
Chủ đầu tư	1.1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MIK GROUP VIET NAM
Ngày bắt đầu	1.1 & 2.1	Ngày ký kết hợp đồng
Ngày hoàn thành	1.1 & 2.2	Theo bảng tiến độ đính kèm Phụ lục 05 của hợp đồng
Hình thức Hợp đồng	3.2	Hợp đồng đơn giá cố định.
Tạm ứng	3.3	
Tỷ lệ tạm ứng		30% Giá trị trước thuế của Hợp đồng (Bên A tạm ứng cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ tạm ứng)
Tỷ lệ thu hồi tạm ứng		Thu hồi tạm ứng theo tỷ lệ 37,5% giá trị khối lượng hoàn thành từng đợt thanh toán và đảm bảo thu hồi hết 100% giá trị tạm ứng khi thanh tóan đạt 80% giá trị hợp đồng.
Hồ sơ Tạm ứng		Công văn đề nghị tạm ứng Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị bằng 10% giá trị hợp đồng trước thuế (Bên B gửi cho Bên A trong vòng 07-15 ngày kể từ khi ký kết hợp đồng)
Thanh toán giai đoạn	3.4	
Kỳ thanh toán		- Thanh toán hàng tháng theo hạng mục công việc được nghiệm thu:
Tỷ lệ thanh toán kỳ		Thanh toán giá trị hoàn thành lắp đặt: - Thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành đối với các công tác đã hoàn thành nghiệm thu lắp đặt, nghiệm thu thử kín, nghiệm thu thử áp lực - 5% Còn lại thanh toán khi tuyến ống cấp nước nghiệm thu súc xả, khử trùng và Quyết toán khối lượng, - 5% Thanh toán khi Nhà thầu phụ nộp bảo lãnh bảo hành 5% Giá trị quyết toán hợp đồng.
Thời gian thanh toán		- Hàng tháng vào ngày 18-20 hàng tháng, Bên B chủ động lập hồ sơ thanh toán gửi cho Bên A. - Trong vòng 07 ngày làm việc, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra và phản hồi lại (01 lần duy nhất) tình trạng hồ sơ của Bên B để Bên B chỉnh sửa. Sau đó Bên B có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa hồ sơ theo đúng yêu cầu và trình nộp lại cho Bên A trước ngày 30 hàng tháng để hai bên ký xác nhận thanh toán. Trong vòng 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ khi bên A đồng ý ký nhận hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B, bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B

Điều kiện	Điều khoản trong ĐKC của hợp đồng	Dữ liệu
Hồ sơ thanh toán		05 bộ Hồ sơ thanh toán (bên A giữ 03 bộ, bên B giữ 02 bộ), bao gồm: - Công văn đề nghị thanh toán - Hóa đơn giá trị gia tăng - Bảng kê giá trị thanh toán được bên A phê duyệt (Theo mẫu Bên A) - Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thanh toán được bên A xác nhận.
Điều kiện xác nhận hồ sơ thanh toán		+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công cho từng hạng mục công việc được mô tả trong hợp đồng. + Bản vẽ hoàn công có đủ căn cứ để 02 bên xác nhận khối lượng. + Các hồ sơ liên quan đến hồ sơ chất lượng thi công, thí nghiệm, công tác An toàn, vệ sinh môi trường theo yêu cầu của bên A.
Quyết toán	3.4	Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành quyết toán được nghiệm thu Thời điểm quyết toán : Sau 45 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hạng mục.
Thời gian quyết toán		Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi bên A đồng ý ký nhận hồ sơ quyết toán hợp lệ của bên B, bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B
Hồ sơ quyết toán		05 bộ Hồ sơ quyết toán (bên A giữ 03 bộ, bên B giữ 02 bộ), bao gồm: - Công văn đề nghị quyết toán - Hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có) - Bảng kê giá trị quyết toán A-B được bên A phê duyệt - Bảng tổng hợp và bảng tính khối lượng hoàn thành công trình - Bảng đối chiếu và xác nhận công nợ - Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình
Điều kiện xác nhận hồ sơ quyết toán		- Trước khi trình hồ sơ quyết toán bên B phải hoàn thành các công việc sau : + Biên bản nghiệm thu chất lượng được phê duyệt + Nhật ký thi công + Bản vẽ hoàn công + Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hạng mục công trình + Checklist hồ sơ hoàn thành công trình được xác nhận bởi bên A
Bảo lãnh tạm ứng	6,2	Không áp dụng
Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng	6,1	10% giá trị trước thuế của Hợp đồng, theo mẫu đính kèm tại phụ lục 7 của Hợp đồng, có thời hạn theo tiến độ hợp đồng thầu phụ kể từ ngày phát hành
Bảo lãnh bảo hành	6.3 & 27	5% giá trị quyết toán trước thuế của Hợp đồng, theo mẫu đính kèm tại phụ lục 7 của Hợp đồng, có thời hạn 24 tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ phạt chậm hoàn thành	26.1	0,1% của giá trị hợp đồng/ ngày nhưng không vượt quá 8% giá trị Hợp đồng

Điều kiện	Điều khoản trong ĐKC của hợp đồng	Dữ liệu
Phạt chậm thanh toán		Bên B có quyền tính lãi suất chậm thanh toán cho các khoản thanh toán tới hạn nhưng chưa thanh toán bằng với lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng do ngân hàng thương mại nơi bên B mở tài khoản công bố trên tổng số tiền chậm thanh toán tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên A thanh toán thực tế cho Bên B.
Thời gian bảo hành	27	24 Tháng kể từ ngày Bên A hoàn thành bàn giao cho Chủ đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY TNHH MTV VINACONEX XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 201 /2017/QĐ-QLHĐ

Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV VINACONEX XÂY DỰNG

V/v: Ban hành Mẫu Hợp đồng thầu phụ và hướng dẫn sử dụng

TỔNG GIÁM ĐỐC

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng được thông qua ngày 12/07/2017;*
- *Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ ban hành quy định chi tiết Hợp đồng xây dựng;*
- *Căn cứ yêu cầu công việc và theo đề nghị của Phó Tổng giám đốc phụ trách Pháp chế.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quyết định kèm Mẫu Hợp đồng thầu phụ và Hướng dẫn sử dụng.

Điều 2. Mẫu Hợp đồng thầu phụ này được áp dụng cho toàn bộ các Hợp đồng thầu phụ thi công xây lắp ký với Công ty.

Điều 3. Các Ông: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/phó Trưởng Phòng chức năng, Giám đốc dự án và cán bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINACONEX XÂY DỰNG

Lò Hồng Hiệp

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

NỘI DUNG

1	**ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI**	**3**
1.1	Định nghĩa	
1.2	Diễn giải	
2	**BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC VÀ HOÀN THÀNH**	**4**
2.1	Bắt đầu thực hiện công việc	
2.2	Hoàn thành	
3	**GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN**	**4**
3.1	Giá Hợp đồng	
3.2	Hình thức Hợp đồng	
3.3	Tạm ứng	
3.4	Thanh toán, Quyết toán	
4	**TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA THẦU PHỤ**	**5**
4.1	Khái quát	
4.2	Nghĩa vụ cung cấp của Thầu phụ	
4.3	Chỉ định và thuê lại thầu phụ	
4.4	Các cam kết, bảo đảm của Thầu phụ	
4.5	Sử dụng thương hiệu của Thầu chính trên công trường	
5	**TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ PHÁP LÝ THEO CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH**	**6**
5.1	Hiểu biết Hợp đồng chính	
5.2	Nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý	
5.3	Bảo đảm của Thầu phụ	
5.4	Vi phạm Hợp đồng	
6	**BẢO ĐẢM VÀ BẢO LÃNH**	**7**
7	**CUNG CẤP TÀI LIỆU, THÔNG TIN BỞI THẦU PHỤ**	**7**
8	**THÔNG TIN LIÊN LẠC VỚI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**	**7**
9	**BIỆN PHÁP, TỔ CHỨC THI CÔNG CỦA THẦU PHỤ**	**8**
9.1	Biện pháp, tổ chức thi công của Thầu phụ	
9.2	Không giảm trách nhiệm	
10	**CAM KẾT BỐ TRÍ NHÂN SỰ PHÙ HỢP**	**8**
11	**MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG**	**9**
12	**TIẾN ĐỘ THI CÔNG**	**9**
12.1	Tiến độ và lịch trình cần có	
12.2	Sửa tiến độ	
12.3	Không giảm trách nhiệm	
12.4	Tuân thủ và kiểm soát tiến độ	
13	**CÔNG TRƯỜNG VÀ TIẾP CẬN CÔNG TRƯỜNG**	**9**
13.1	Tuân thủ quy định, nội quy của Thầu chính	
13.2	Tiếp cận công việc của Hợp đồng bởi các bên khác	
14	**HƯỚNG DẪN VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TƯ VẤN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TƯ VẤN**	**10**
15	**KHẢO SÁT CÔNG TRƯỜNG – TÌM HIỂU CÁC ĐIỀU KIỆN THI CÔNG**	**10**
16	**QUY TRÌNH THỦ TỤC NHẬP KHẨU**	**10**
17	**AN NINH, AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**	**10**
18	**CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH**	**11**
18.1	Hoàn thành cơ bản toàn bộ công trình	
18.2	Hoàn thành cơ bản các phần của công trình	
18.3	Hoàn thành cuối cùng	
19	**TRÁCH NHIỆM VỚI NHỮNG KHIẾM KHUYẾT, SAI SÓT VÀ BẢO HÀNH VẬT LIỆU**	**11**
19.1	Trách nhiệm của Thầu phụ trong trường hợp không được nghiệm thu các hạng	

	mục đã thi công không qua được các thí nghiệm, kiểm định của Tư vấn/Chủ đầu tư	
19.2	Thời gian sửa chữa sai sót	
19.3	Bảo hành vật liệu	
20	**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỎ SÓT**	**12**
20.1	Lệnh thay đổi	
20.2	Không thực hiện theo lệnh chưa được xác nhận	
20.3	Nhà thầu phụ không có quyền thay đổi hoặc bổ sung	
20.4	Đánh giá thay đổi	
20.5	Thanh toán thay đổi hoặc bổ sung	
21	**NHỮNG THAY ĐỔI NHỎ TRONG CÔNG VIỆC**	**13**
22	**BẢO HIỂM VÀ BỒI THƯỜNG**	**13**
22.1	Sự cẩn trọng trong công việc	
22.2	Bảo hiểm công trình của Hợp đồng và máy móc thi công	
22.3	Bảo hiểm khỏi tai nạn thương tật cho nhân công	
22.4	Bảo hiểm thiết bị thi công	
22.5	Nhà thầu phụ không thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm theo Hợp đồng	
23	**BẤT KHẢ KHÁNG**	**14**
23.1	Bất khả kháng	
23.2	Sửa chữa	
23.3	Tạm dừng công việc của Hợp đồng	
24	**GIA HẠN THỜI GIAN HOÀN THÀNH**	**14**
24.1	Yêu cầu gia hạn thời gian	
24.2	Xác định và chứng nhận gia hạn thời gian	
25	**TẠM DỪNG CÔNG VIỆC**	**15**
25.1	Tạm dừng công việc theo mệnh lệnh của Thầu chính	
25.2	Chậm trễ do tạm dừng	
25.3	Kết thúc/ chấm dứt sau khi tạm dừng do bất khả kháng	
25.4	Tạm dừng bởi Thầu phụ	
26	**THIỆT HẠI DO CHẬM HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC**	**15**
26.1	Thiệt hại phải thanh toán	
26.2	Thiệt hại không phải là một khoản phạt	
27	**BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH**	**16**
28	**CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG THẦU CHÍNH**	**16**
28.1	Thông báo chấm dứt	
28.2	Thanh toán khi chấm dứt	
28.3	Nhà thầu phụ vi phạm Hợp đồng	
29	**LỖI CỦA THẦU PHỤ**	**17**
29.1	Hành động gây lỗi	
29.2	Xác định giá trị thanh toán	
29.3	Thanh toán sau khi chấm dứt	
29.4	Cắt giảm phạm vi công việc của Hợp đồng	
29.5	Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	
30	**LÀM VIỆC VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**	**18**
31	**LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, ĐỊA ĐIỂM TÀI PHÁN**	**18**
31.1	Luật áp dụng	
31.2	Bất đồng được giải quyết thông qua đàm phán hòa giải	
30.3	Giải quyết tranh chấp	
30.4	Địa điểm tài phán	

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

1.1 Định nghĩa

Trong Hợp đồng này (được định nghĩa như sau), tất cả các từ ngữ và cách diễn đạt sẽ có cùng nghĩa như trong Hợp đồng thầu chính (được định nghĩa sau đây trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi phải hiểu khác)

"**Hợp đồng**" bao gồm các nội dung quy tại khoản 3 Thỏa thuận Hợp đồng.

"**Hợp đồng thầu chính**" nghĩa là hợp đồng được thực hiện giữa Chủ đầu tư và Thầu chính.

"**Công trình**" / "**Dự án**" là Công trình/ Dự án nêu trong Dữ liệu Hợp đồng.

"**Chủ đầu tư**" là Chủ đầu tư hoặc Tổng thầu nêu trong Dữ liệu Hợp đồng

"**Đại diện Chủ đầu tư**" là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.

"**Nhà thầu**", "**Nhà thầu chính**" hoặc "**Thầu chính**" là Công ty TNHH MTV Xây dựng

"**Đại diện Nhà thầu chính**" là người được Nhà thầu chính nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu chính uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

"**Nhà thầu phụ**" hoặc "**Thầu phụ**" là đơn vị ký Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ với Thầu chính.

"**Đại diện Nhà thầu phụ**" là người được Nhà thầu phụ nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu phụ uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu phụ.

"**Nhà tư vấn**" hoặc "**Tư vấn**" là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng (Nhà tư vấn có thể là tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).

"**Đại diện Nhà tư vấn**" là người được Nhà tư vấn uỷ quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà tư vấn giao.

"**Tư vấn thiết kế**" là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

"**Công việc thầu phụ**" nghĩa là tất cả các công việc được quy định chi tiết tại Ma trận phạm vi công việc và Bảng tiên lượng của Hợp đồng này. Công việc của thầu phụ bao gồm cả các Thay đổi phát hành bởi Nhà thầu chính theo Điều 20 Sửa đổi, bổ sung và bổ sót.

"**Công việc chính**" nghĩa là những công việc được chỉ ra trong Hợp đồng thầu chính.

"**Giá Hợp đồng**" là Giá Hợp đồng được quy định trong Thỏa thuận Hợp đồng và Điều 3 Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán.

"**Ngày bắt đầu**" là ngày quy định tại Bảng Dữ liệu Hợp đồng

"**Ngày hoàn thành**" là ngày quy định tại Bảng Dữ liệu Hợp đồng

"**Chỉ dẫn kỹ thuật**" (**thuyết minh kỹ thuật**) là các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định cho công trình và bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung cho các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật đó.

"**Bản vẽ thiết kế**" là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu hoặc do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

"**Bảng tiên lượng**" là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

"**Thiết bị của Nhà thầu phụ**" là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Nhà thầu phụ thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

"**Ngày**" được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

"**Ngày làm việc**" là ngày dương lịch, trừ ngày thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

"**Luật**" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

"**Công trường**" là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp đồng.

"**Thay đổi**" là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Nhà thầu chính.

1.2 Diễn giải

- Các tiêu đề, đề mục của các điều khoản và khoản mục trong Hợp đồng này được đưa ra chỉ nhằm cho mục đích tiện dụng và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích Hợp đồng.
- Các từ "bao gồm„ và "bao gồm cả„ sẽ luôn được hiểu đi kèm với cụm từ ***nhưng không giới hạn bởi.***
- Việc tham chiếu đến một tài liệu nghĩa là tham chiếu đến mọi sửa đổi, bổ sung thay thế tài liệu đó ngoại trừ các sửa đổi, bổ sung, thay thế được thực hiện trái với quy định của Hợp đồng này.

2. BẮT ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC VÀ HOÀN THÀNH

2.1 Bắt đầu thực hiện công việc

Nhà thầu phụ sẽ bắt đầu thực hiện công việc của Hợp đồng vào Ngày bắt đầu như quy định tại Bảng dữ liệu Hợp đồng và Phụ lục 5 của Hợp đồng này. Sau đó Nhà thầu phụ sẽ tiếp tục công việc của Hợp đồng một cách khẩn trương và không chậm trễ theo đúng yêu cầu của Hợp đồng.

2.2 Hoàn thành

Việc Hoàn thành bao gồm hoàn thành tất cả các công việc và Từng hạng mục cụ thể bao gồm cả các Thay đổi theo các mốc thời gian được quy định trong Bảng Dữ liệu và Phụ lục 5 của Hợp đồng này.

Tất cả các công việc của Hợp đồng sẽ được hoàn thành chậm nhất đến ngày Ngày hoàn thành như quy định tại Bảng dữ liệu Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian được gia hạn có thể được cho phép theo Điều 24 trong Hợp đồng này.

3. GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

3.1 Giá Hợp đồng

Giá Hợp đồng nêu trong Thỏa thuận Hợp đồng là giá bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí cho việc cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị, nhân công, giám sát, quản lý, các loại thuế, các loại phí, chi phí thí nghiệm, các chi phí sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết, các chi phí giám sát, kiểm soát chất lượng, chi phí công trình tạm, điện, nước, thoát nước trong quá trình thi công, dự phòng phí và các khoản chi cần thiết khác thể hiện ở Phụ lục 1 – Ma trận phạm vi công việc để Bên B hoàn thành

công việc theo đúng Hợp đồng này.

3.2 Hình thức Hợp đồng

Hình thức Hợp đồng được nêu trong Bảng Dữ liệu Hợp đồng

3.3 Tạm ứng

Nhà thầu chính sẽ tạm ứng cho Nhà thầu phụ quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

3.5 Thanh toán, Quyết toán

Giai đoạn thanh toán, tỷ lệ thanh toán và hồ sơ thanh toán và Quyết toán quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

4. TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA THẦU PHỤ

4.1 Khái quát

Nhà thầu phụ sẽ thực hiện và hoàn thành các Công việc thầu phụ theo quy định của Hợp đồng và sửa chữa các sai sót theo đúng Hợp đồng và theo yêu cầu một cách hợp lý của Nhà thầu chính.

4.2 Nghĩa vụ cung cấp của Thầu phụ

Nhà thầu phụ, bằng chi phí của mình, sẽ cung cấp/đáp ứng tất cả các yêu cầu về lao động, nguyên vật liệu theo phạm vi công việc, máy thi công, công trình tạm và mọi thứ khác theo yêu cầu tạm thời hay lâu dài để thực hiện và hoàn thành Công việc thầu phụ và sửa chữa các sai sót (nếu có).

4.3 Chỉ định và thuê lại thầu phụ

Nhà thầu phụ sẽ không chỉ định hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện toàn bộ hay bất cứ phần nào của Hợp đồng này mà không có sự đồng ý trước của Nhà Thầu chính bằng Văn bản. Trong mọi trường hợp, việc chuyển giao hay cho thuê lại bất cứ một phần công việc nào theo quy định này sẽ không có hiệu lực để giải phóng trách nhiệm của Nhà thầu phụ cho Công việc thầu phụ được chuyển giao hay chỉ định.

4.4 Các cam kết, bảo đảm của Nhà thầu phụ

- Nhà thầu phụ sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm, đảm bảo mọi hoạt động thi công và thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà thầu phụ trên công trường một các thích hợp, an toàn, ổn định.
- Nhà thầu phụ sẽ tạo điều kiện cho Nhà thầu chính và Chủ đầu tư tiếp cận Công việc thầu phụ trong tất cả các thời gian hợp lý để kiểm tra, giám sát.
- Nhà thầu phụ sẽ tiến hành các điều tra, khảo sát riêng của mình và sẽ chịu trách nhiệm đối với các thông tin và số liệu do Nhà thầu chính cung cấp mà các thông tin và số liệu này sẽ được thẩm tra và kiểm tra bằng việc sử dụng các thiết kế hay các áp dụng kỹ thuật cho Dự án phù hợp với các thực tiễn kỹ thuật được chấp thuận theo thông lệ. Nhà thầu phụ được coi là đã khảo sát, tìm hiểu và có đầy đủ thông tin về mặt bằng hiện trạng công trường, điều kiện địa chất thủy văn và các điều kiện thi công khác để thực hiện Công việc của Thầu phụ.
- Nhà thầu phụ đảm bảo có đầy đủ năng lực pháp lý, năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm để thực hiện Công việc thầu phụ và Nhà thầu phụ đã nhận được đầy đủ các giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết là một doanh nghiệp được thành lập hợp pháp, có đầy đủ năng lực pháp lý, năng lực kinh nghiệm và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Nhà thầu phụ đảm bảo rằng, bằng chi phí của mình sẽ có được tất cả các giấy phép cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Nhà thầu phụ sẽ bồi thường cho Nhà thầu chính và/hoặc Chủ đầu tư và đảm bảo cho Nhà thầu chính và/hoặc Chủ đầu tư không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ việc không có các giấy phép cần thiết này trên cơ sở tuân thủ các quy định của

pháp luật.

- Nhà thầu phụ sẽ duy trì liên tục việc bảo vệ Công việc thầu phụ khỏi những mất mát hay thiệt hại và thực hiện các biện pháp thích hợp hoặc cần thiết để bảo đảm an toàn cho người và tài sản khi thực hiện Công việc thầu phụ.

4.5 Sử dụng thương hiệu của Thầu chính trên công trường

Nhà thầu phụ có trách nhiệm thực hiện, tuân thủ đầy đủ Hệ thống nhận diện thương hiệu của Nhà thầu chính (trường hợp không sử dụng thương hiệu của Nhà thầu chính thì Nhà thầu phụ có Văn bản đề nghị và phải được Nhà thầu chính đồng ý bằng Văn bản); Hệ thống biển hiệu công trình, biển hiệu và trang thiết bị an toàn lao động của Nhà thầu chính trên công trường (quần áo bảo hộ, mũ, cờ, logo, biển hiệu, văn phòng công trường, văn phòng phẩm, các phương tiện thiết bị...). Trong trường hợp vi phạm, Nhà thầu chính có quyền yêu cầu Nhà thầu phụ tạm dừng công việc mà không được giảm trừ bất kỳ nghĩa vụ nào do tạm dừng, thực hiện phạt vi phạm 20 triệu đồng/lần vi phạm (tái phạm sẽ tăng phạt gấp đôi so với lần vi phạm liền trước đó) và các hình thức chế tài khác nếu thấy cần thiết.

5. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ PHÁP LÝ THEO CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG THẦU CHÍNH

5.1 Hiểu biết hợp đồng thầu chính

Nhà thầu phụ được xem là hiểu đầy đủ các tài liệu Hợp đồng thầu chính và điều khoản của Hợp đồng thầu chính kể cả các tài liệu tiếng nước ngoài (ngoài các chi tiết về giá và điều kiện giải ngân của Nhà Thầu chính chỉ ra ở trong đó), và Nhà Thầu chính sẽ, nếu được yêu cầu như thế bởi Nhà Thầu phụ, cung cấp cho Nhà thầu phụ bản sao chính xác Hợp đồng thầu chính.

5.2 Nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý

Nhà thầu phụ phải thực hiện, hoàn thành và sửa chữa các khiếm khuyết (nếu có) liên quan tới tất cả các công việc được nêu trong Hợp đồng này để đảm bảo rằng không có hành vi hay sai sót nào do mình gây ra khiến Nhà Thầu chính vi phạm các nghĩa vụ được nêu trong Hợp đồng Thầu chính. Đồng thời, Nhà thầu phụ phải thay Nhà Thầu chính thực hiện và hoàn thành những nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng được nêu trong Hợp đồng Thầu chính, cũng như thực hiện và hoàn thành bất kỳ một nghĩa vụ nào không được quy định trong Hợp đồng Thầu chính nhưng được nêu trong Hợp đồng này. Nếu thầu phụ sử dụng các khoản phải thu của Hợp đồng này để thế chấp ngân hàng, trong mọi trường hợp Các khoản phải trả theo các Khoản 12.4, 19.3 và Điều 30 được ưu tiên trả trước.

5.3 Bảo đảm của Thầu phụ

Nhà thầu phụ sẽ tránh và đảm bảo cho Nhà Thầu chính khỏi mọi trách nhiệm pháp lý mà Nhà Thầu chính có liên đới với bất cứ người nào khác và tránh khỏi kiện tụng, khiếu nại, yêu cầu, thiệt hại, chi phí Nhà Thầu chính đã thực hiện hay đã liên đới bởi bất kỳ lý do vi phạm nào gây ra bởi Nhà thầu phụ của Hợp đồng.

5.4 Vi phạm Hợp đồng

Nhà thầu phụ sau đây công nhận rằng bất cứ sự vi phạm nào của mình đối với Hợp đồng này sẽ có thể trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến hậu quả Nhà Thầu chính vi phạm cam kết của mình trong Hợp đồng thầu chính và do vậy làm phát sinh trách nhiệm pháp lý bao gồm cả việc phạt, bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng thầu chính. Việc này có thể gây ra thua lỗ, tốn kém chi phí cho Nhà Thầu chính liên quan đến công việc Hợp đồng thầu chính. Tất cả những vi phạm, trách nhiệm pháp lý, thiệt hại, các mất mát, thua lỗ và chi phí này được Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ nhận thức rõ và đồng ý là nằm trong phạm vi vi phạm của Thầu phụ theo quy định của Hợp đồng.

6. BẢO ĐẢM VÀ BẢO LÃNH

6.1 Các Bảo lãnh của Nhà thầu phụ phải được phát hành đáp ứng các yêu cầu của Nhà thầu chính.

Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và trước khi Nhà thầu chính chuyển bất kỳ khoản tiền tạm ứng nào, Nhà thầu phụ phải trình cho Nhà thầu chính bảo lãnh thực hiện Hợp đồng vô điều kiện và không hủy ngang theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Hợp đồng. Nhà thầu phụ phải nộp bảo lãnh thực hiện Hợp đồng theo tỷ lệ quy định trong Bảng dữ liệu Hợp đồng trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng này. Bảo lãnh Hợp đồng này phải có giá trị và có hiệu lực tới khi được Nhà thầu chính nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu phụ chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 30 ngày làm việc trước ngày hết hạn, Nhà thầu phụ sẽ phải gia hạn giá trị của bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. Nhà thầu chính tự động sẽ được nhận khoản tiền theo bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu nhà thầu phụ từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực.

6.2

Bảo lãnh tạm ứng

Nhà thầu phụ phải trình cho Nhà thầu chính bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện và không hủy ngang theo mẫu quy định tại Phụ lục 7.

Điều kiện để Nhà thầu chính chuyển tiền tạm ứng cho Nhà thầu phụ là: trước khi Nhà thầu chính tạm ứng Hợp đồng cho Nhà thầu phụ thì nhà thầu phụ phải nộp cho Nhà thầu chính bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương ứng với giá trị tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán được quy định trong Bảng dữ liệu Hợp đồng.

6.3

Bảo lãnh bảo hành

Tùy thuộc vào điều kiện của Hợp đồng chính, Nhà thầu chính có thể xem xét cho phép Nhà thầu phụ được nhận tiền bảo hành công trình với điều kiện Nhà thầu phụ phải nộp cho Nhà thầu chính Bảo lãnh bảo hành công trình theo Mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Hợp đồng này.

7. CUNG CẤP TÀI LIỆU, THÔNG TIN BỞI THẦU PHỤ

Bất cứ khi nào Nhà Thầu chính được yêu cầu theo điều khoản của Hợp đồng thầu chính cung cấp bất cứ bản thống kê nào, tài khoản, thông báo hoặc các thông tin khác cho Tư vấn hoặc cho Chủ đầu tư, Nhà thầu phụ sẽ cung cấp các bản thống kê tương tự, tài khoản, thông báo hoặc các thông tin khác có liên quan đến công việc của Hợp đồng cho Nhà Thầu chính để cho Nhà Thầu chính có thể tuân thủ theo đúng các điều kiện nói trên của Hợp đồng thầu chính, và sẽ thực hiện công việc đó trong khoảng thời gian vừa đủ để Nhà Thầu chính có thể tuân thủ theo đúng các điều kiện nói trên đúng thời gian. Nếu, vì một lý do nào đấy, Nhà thầu phụ vi phạm các điều kiện qui định của điều khoản này, mà Nhà Thầu chính bị ngăn không cho lấy được bất kỳ số tiền nào từ Chủ đầu tư theo Hợp đồng thầu chính liên quan đến công việc của hợp đồng thầu chính thì Nhà Thầu chính có thể khấu trừ số tiền đó của Nhà thầu phụ bằng thông báo theo Hợp đồng.

8. THÔNG TIN LIÊN LẠC VỚI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Nhà thầu phụ sẽ thiết lập và duy trì liên lạc với cơ quan có thẩm quyền và liên quan về quy hoạch, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường trước, trong quá trình và sau khi thi công công việc của Hợp đồng và sẽ đảm bảo rằng các thông báo đầy đủ đã được cung cấp cho bất cứ cuộc thanh tra kiểm tra nào mà những cơ quan có thẩm quyền đó yêu cầu. Nhà thầu phụ cũng sẽ cung cấp bất kỳ tài liệu nào cho

những cơ quan có thẩm quyền đó khi được yêu cầu.

9. BIỆN PHÁP, TỔ CHỨC THI CÔNG CỦA THẦU PHỤ

9.1 Biện pháp, tổ chức thi công của Thầu phụ

Nhà thầu phụ bằng chi phí của mình sẽ chịu trách nhiệm cho tất cả các phương tiện, biện pháp, phương pháp, kỹ thuật, trình tự, và quy trình thủ tục thi công và sẽ điều phối kết hợp tất cả các phần công việc của Hợp đồng. Nhà thầu phụ bất cứ khi nào được yêu cầu sẽ nộp cho Thầu chính phê duyệt Biện pháp thi công, giải thích mình dự kiến tiến hành và hoàn thành công việc của Hợp đồng như thế nào.

Nhà thầu phụ cũng sẽ huy động nhân lực đầy đủ theo đúng Sơ đồ tổ chức của Phụ lục 4 và các vật liệu, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của Hợp đồng này.

9.2 Không giảm trách nhiệm

Tài liệu Biện pháp thi công nộp cho Nhà thầu chính, và những phê duyệt của Nhà thầu chính sẽ không giảm nhẹ hay giải phóng cho Nhà thầu phụ khỏi bất cứ trách nhiệm hay bổn phận nào của mình theo Hợp đồng.

10. CAM KẾT BỐ TRÍ NHÂN SỰ PHÙ HỢP

Thầu phụ cam kết sẽ bố trí nhân sự chủ chốt quản lý thi công công trình này gồm các kỹ sư và cán bộ quản lý như quy định cụ thể tại Phụ lục 4.

Thầu phụ sẽ cung cấp cho Thầu chính CV cửa từng kỹ sư, cán bộ quản lý.

Thầu phụ không được tự ý điều động, thay thế các cán bộ, kỹ sư có tên trong Phụ lục 4 đi các công trình khác hoặc thực hiện bất kỳ các công việc nào không liên quan tới công trình đang thi công tại Hợp đồng này mà chưa được sự cho phép của Thầu chính bằng văn bản. Trường hợp Thầu phụ tự ý điều động, thay thế mà không được sự cho phép của Thầu chính bằng văn bản thì sẽ chịu mức phạt cho mỗi lần vi phạm số tiền được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

Thầu chính có quyền yêu cầu Thầu phụ thay thế bất kỳ cán bộ, kỹ sư nào có tên trong danh sách nêu tại Phụ lục 4 nếu xét thấy người đó không đáp ứng yêu cầu công việc trên Công trường. Trong trường hợp này, Thầu phụ có trách nhiệm ngay lập tức phải thay thế bằng một người khác có năng lực phù hợp với công việc.

Mọi chi phí liên quan tới việc điều động, thay thế, luân chuyển các cán bộ, kỹ sư nói trên sẽ thuộc trách nhiệm của Thầu phụ.

Trong trường hợp để đảm bảo yêu cầu công việc khi thấy Thầu phụ không bố trí đủ cán bộ, kỹ sư theo Phụ lục 4, Thầu chính có thể tự mình bổ sung thêm nhân sự của mình tại Dự án để quản lý các công việc mà Thầu phụ không đáp ứng yêu cầu. Toàn bộ chi phí cho nhân sự bổ sung nêu trên bao gồm lương, phụ cấp, chi phí sinh hoạt, đi lại... sẽ do Thầu phụ chi trả.

11. MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG

Thầu phụ cam kết sẽ điều động, bố trí máy móc thiết bị phục vụ thi công, bao gồm nhưng không giới hạn ở danh mục các máy móc thiết bị quy định tại Phụ lục 5

Trong thời gian thiết bị được huy động thi công tại Công trình như quy định tại Phụ lục 5. Thầu phụ không được tự ý điều động, thay thế các thiết bị có tên trong danh sách đi các công trình khác hoặc thực hiện bất kỳ các công việc nào không liên quan tới công trình đang thi công tại Hợp đồng này mà chưa được sự cho phép của Thầu chính. Trường hợp Thầu phụ tự ý điều động, thay thế mà không được sự cho phép của Thầu chính bằng văn bản thì sẽ chịu mức phạt cho mỗi lần vi phạm số tiền được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

Thầu chính có quyền yêu cầu Thầu phụ thay thế bất kỳ thiết bị có tên trong danh sách nêu tại Phụ lục 5 nếu xét thấy thiết bị đó không đáp ứng yêu cầu công việc trên Công trường. Trong trường hợp này, Thầu phụ có trách nhiệm ngay lập tức phải thay thế bằng một thiết bị khác phù hợp với yêu cầu công việc.

12. TIẾN ĐỘ THI CÔNG

12.1 Tiến độ và lịch trình cần có

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng tiến độ như trong Phụ lục 5 của Hợp đồng.

12.2 Sửa tiến độ

Nếu đối với Nhà thầu chính vào bất cứ thời điểm nào mà tiến độ thực tế của công việc Hợp đồng thầu chính không phù hợp với tiến độ đã được phê duyệt được đề cập trong mục 1 của điều khoản này, thì Nhà thầu chính sẽ có quyền yêu cầu Nhà thầu phụ lập bản tiến độ sửa đổi cho biết các sửa đổi cần thiết đối với bản tiến độ gốc nhằm đảm bảo hoàn thành công việc Nhà thầu phụ hoặc bất cứ phần công việc nào trong khoảng thời gian để hoàn thành như được chỉ ra trong điều 11.1 hay thời gian gia hạn cho phép quy định tại Điều 24 Hợp đồng này.

12.3 Không giảm trách nhiệm

Tài liệu điều chỉnh tiến độ nộp cho Nhà thầu chính, và những phê duyệt của Nhà thầu chính cho việc điều chỉnh/sửa đổi tiến độ sẽ không giảm nhẹ hay giải phóng cho Nhà thầu phụ khỏi bất cứ trách nhiệm hay bổn phận nào của mình theo Hợp đồng.

12.4 Tuân thủ và kiểm soát tiến độ

Tiến độ công việc của thầu phụ sẽ được theo dõi so với tiến độ tổng thể của gói thầu bao gồm nhưng không giới hạn tiến độ trong hợp đồng chính và tiến độ chi tiết hàng tuần. Nếu việc theo dõi này thấy rằng công việc thực tế chậm tiến độ nhiều hơn bảy (07) ngày thì Nhà thầu chính sẽ thông báo bằng văn bản hoặc biên bản làm việc đến thầu phụ để có các biện pháp cần thiết để đảm bảo hoàn thành công việc theo đúng tiến độ gói thầu và thầu phụ phải ngay lập tức có các hành động cần thiết để đẩy nhanh tiến độ công việc của mình so với tiến độ của gói thầu. Nếu thầu phụ không chứng minh được rằng thầu phụ có đầy đủ biện pháp tuân thủ trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được văn bản của thầu chính thì thầu chính có quyền thuê nhân công, máy móc bổ sung và mua vật liệu cần thiết và/hoặc ký hợp đồng thầu phụ với các đơn vị khác mà không cần sự đồng ý của thầu phụ để hoàn thành một phần hoặc toàn bộ công việc còn tồn đọng của thầu phụ và mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ được khấu trừ từ bất kỳ khoản tiền hoặc khối lượng hoàn thành của thầu phụ như là một khoản nợ. Thầu phụ sẽ không được quyền thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho việc tuân thủ thông báo này.

13. CÔNG TRƯỜNG VÀ TIẾP CẬN CÔNG TRƯỜNG

13.1 Tuân thủ quy định, nội quy của Thầu chính

Nhà thầu phụ sẽ phải thực hiện tất cả các công việc của Hợp đồng trên công trường theo đúng thời gian làm việc của Nhà thầu chính, trừ khi có những thoả thuận khác, và sẽ tuân thủ theo đúng tất cả các qui định, nội quy của Nhà thầu chính.

Trong bất cứ trường hợp nào, Nhà thầu phụ phải có sự chấp thuận của Nhà thầu chính trước khi mang bất cứ thiết bị thi công nào ra khỏi công trường. Trong trường hợp Nhà thầu phụ không tuân thủ dẫn đến Nhà thầu chính buộc phải thuê thiết bị từ bên ngoài thì Nhà thầu phụ phải trả toàn bộ chi phí thuê và các chi phí kèm theo việc thuê thiết bị đó.

13.2 Tiếp cận công việc của Hợp đồng bởi các bên khác

Nhà thầu phụ sẽ cho phép Nhà Thầu chính, Tư vấn và/hoặc đại diện được ủy quyền của họ (bao gồm cả bất kỳ Nhà thầu phụ nào khác liên quan đến việc thực hiện Công

việc của Hợp đồng thầu chính), trong thời gian làm việc được tiếp cận hợp lý vào công việc của Hợp đồng và vào những nơi trên công trường, nơi mà bất kỳ công việc hay vật liệu nào đang được thực hiện, chuẩn bị hay lưu giữ. Nhà thầu phụ cũng sẽ cho phép Thầu chính, Tư vấn và/hoặc đại diện của họ tiếp cận những địa điểm ngoài công trường nơi công việc đang được tiến hành hoặc đang được chuẩn bị bởi hay đại diện cho Nhà thầu phụ liên quan tới công việc của Hợp đồng.

14. HƯỚNG DẪN VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TƯ VẤN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TƯ VẤN

Liên quan đến công việc của Hợp đồng, trừ khi Nhà thầu chính có thông báo khác đi, Nhà thầu phụ sẽ tuân thủ và chấp hành nghiêm túc tất cả các hướng dẫn và quyết định của Tư vấn và/hoặc đại diện Tư vấn, những người đã được Nhà thầu chính thông báo và xác nhận bằng văn bản cho Nhà thầu phụ.

Đối với những thay đổi liên quan đến công việc của Nhà thầu phụ mà Thầu phụ nhận được trực tiếp từ Tư vấn và/hoặc đại diện Tư vấn, Nhà thầu phụ sẽ không thi hành lệnh chưa được xác nhận của Thầu chính. Nếu Nhà thầu phụ nhận được bất kỳ mệnh lệnh trực tiếp nào như thế, thì Nhà thầu phụ có trách nhiệm thông báo cho người có trách nhiệm của Thầu chính về việc đó và sẽ cung cấp cho người này bản sao mệnh lệnh đó nếu mệnh lệnh đó bằng văn bản. Nhà thầu phụ chỉ sẽ thực hiện mệnh lệnh được hướng dẫn bằng văn bản của Thầu chính, tuy nhiên Thầu chính sẽ cung cấp những hướng dẫn đó với khoảng thời gian hợp lý. Nhà thầu phụ có quyền được thanh toán từ Nhà thầu chính liên quan đến việc tuân thủ đó nếu Nhà thầu chính đã được thanh toán từ Chủ đầu tư theo Hợp đồng chính.

15. KHẢO SÁT CÔNG TRƯỜNG – TÌM HIỂU CÁC ĐIỀU KIỆN THI CÔNG

Nhà thầu phụ được xem là đã xem xét, tìm hiểu, khảo sát công trường và môi trường xung quanh đó và các thông tin sẵn có liên quan đến việc này và hài lòng trước khi ký Hợp đồng này. Việc tìm hiểu, khảo sát của Nhà thầu phụ bao gồm cả các điều kiện của bề mặt nền, điều kiện khí hậu và thuỷ văn, đặc tính và phạm vi công việc và vật liệu cần thiết để hoàn thành công việc của Hợp đồng, các cách thức mà phương tiện thi công tiếp cận công trường, nơi ăn ở của công nhân v.v. Tóm lại, Nhà thầu phụ được xem là đã có tất cả các thông tin cần thiết, nhận thức và lường hết về các khó khăn, rủi ro, sự việc bất ngờ nảy sinh và bất kỳ tình huống, sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng hay tác động đến giá trị của Hợp đồng và thời gian hoàn thành công việc của Hợp đồng.

16. QUY TRÌNH THỦ TỤC NHẬP KHẨU

Liên quan tới việc nhập khẩu (nếu phát sinh) nguyên vật liệu và thiết bị để thực hiện công việc theo Hợp đồng, Nhà thầu phụ phải chủ động tiến hành tất cả các thủ tục nhập khẩu cần thiết (và tái xuất khẩu khi hoàn thành nếu có). Nhà thầu phụ cam kết giữ quan hệ, liên lạc tốt đẹp với cơ quan có thẩm quyền trước ngày mong muốn được thông quan hàng hoá. Nhà thầu chính sẽ không xem xét bất kỳ đề nghị nào của Nhà thầu phụ về việc gia hạn thời gian hoàn thành công việc nếu việc chậm trễ là do qui trình thủ tục xuất nhập khẩu không được chuẩn bị chu đáo, thực hiện với sự cẩn trọng, tập trung cần thiết. Tất cả các phí thông quan và xử lý tại cảng ngoài thuế hải quan và thuế nhập khẩu, và chi phí lưu kho và vận chuyển đều do Nhà thầu phụ chịu trừ khi có qui định cụ thể khác trong Hợp đồng. Nhà thầu phụ được miễn khỏi việc thanh toán thuế hải quan và thuế nhập khẩu trong chừng mực mà Chủ đầu tư theo hợp đồng thầu chính cấp cho Thầu chính được miễn giảm khỏi những loại thuế đó.

17. AN NINH, AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Nhà thầu phụ sẽ theo sát tiến độ công việc của Hợp đồng và quan tâm đầy đủ tới an

toàn lao động của tất cả những cán bộ, công nhân viên, người lao động, người được giao nhiệm vụ khác trên công trường và giữ cho công trường và công việc của Hợp đồng trong tình trạng thứ tự/trật tự hợp lý để tránh nguy hiểm cho người và thiết bị thi công liên quan đến Hợp đồng. Nhà thầu phụ sẽ cung cấp và duy trì bằng chi phí của mình hệ thống chiếu sáng, bảo vệ, hàng rào, cảnh báo và trông coi vào thời điểm và ở những nơi cần thiết hoặc theo yêu cầu của Thầu chính, đại diện của Tư vấn hoặc bất cứ cơ quan có thẩm quyền nào để đảm bảo công việc của Hợp đồng diễn ra đúng tiến độ, an toàn và thuận tiện đối với người lao động, cộng đồng dân cư và những người khác.

Nhà thầu phụ đảm bảo rằng nhân viên của mình phải tuân thủ các yêu cầu của Nội quy công trường của Nhà thầu chính và các yêu cầu, quy định an toàn của Chủ đầu tư.

Nhà thầu phụ sẽ thường xuyên tổ chức những cuộc họp về an toàn lao động trên công trường, tham dự những cuộc họp này là những cán bộ, kỹ sư chủ chốt làm việc trên công trường của Thầu phụ. Nếu Thầu chính buộc phải thông báo cho Nhà thầu phụ biết rằng các qui định, nội quy an toàn không được tuân thủ hay Nhà thầu phụ hoặc các Nhà thầu phụ đang chấp nhận thông lệ/ cách làm việc không an toàn, thì Nhà thầu phụ ngay lập tức cần tiến hành khắc phục tình hình.

Trong trường hợp Nhà thầu phụ không khắc phục tình hình đó và công việc tiếp tục được thực hiện, theo ý kiến của Thầu chính và đại diện tư vấn là nguy hiểm, thì Thầu chính có quyền yêu cầu tạm dừng công việc ở khu vực bị coi là thiếu an toàn và công việc sẽ không được phép tiếp tục cho tới khi các biện pháp an toàn yêu cầu đã được thực hiện. Nhà thầu phụ sẽ không được đền bù hay gia hạn thời gian để hoàn thành trong trường hợp tạm dừng như đã nói ở trên vì vi phạm quy định an toàn. Hoặc trong trường hợp này, Nhà thầu chính có quyền chủ động thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết và khấu trừ chi phí vào giá trị thanh toán của Nhà thầu phụ.

Nhà thầu phụ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong và ngoài công trường theo nội quy công trường và theo các quy định hiện hành.

Nhà thầu phụ thừa nhận rằng trong suốt thời gian thực hiện Công việc thầu phụ sẽ có các Nhà thầu phụ khác cùng đồng thời làm việc trên công trường theo các Hợp đồng thầu phụ khác nhau, cùng thực hiện và vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị tới công trường. Nhà thầu phụ sẽ hợp tác và phối hợp với Nhà thầu chính và các Nhà thầu phụ khác để hoàn thành Công việc thầu phụ an toàn, hiệu quả, đúng thời hạn và không cản trở các công việc của Nhà thầu phụ khác.

18. CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH

18.1 Hoàn thành cơ bản toàn bộ công trình

Áp dụng theo quy trình quản lý chất lượng công trình được Chủ đầu tư và Tư vấn thông qua.

18.2 Hoàn thành cơ bản các phần của công trình

Áp dụng theo quy trình quản lý chất lượng công trình được Chủ đầu tư và Tư vấn thông qua.

18.3 Hoàn thành cuối cùng

Sau khi Nhà thầu phụ hoàn thành thi công toàn bộ các công việc, sửa chữa các sai sót (nếu có) và bàn giao Công trình cho Nhà Thầu chính và Chủ đầu tư, Nhà Thầu chính sẽ cấp cho Nhà thầu phụ Chứng nhận hoàn thành cuối cùng hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao

19. TRÁCH NHIỆM VỚI NHỮNG KHIẾM KHUYẾT, SAI SÓT VÀ BẢO HÀNH VẬT LIỆU

19.1 Trách nhiệm của Thầu phụ trong trường hợp không được nghiệm thu, các hạng mục đã thi công không qua được các thí nghiệm, kiểm định của Tư vấn/ Chủ

đầu tư

Trong mọi trường hợp nếu các công việc, hạng mục đã thi công không được Tư vấn/ Chủ đầu tư nghiệm thu hoặc không qua được các thí nghiệm kiểm định tiến hành bởi Tư vấn/ Chủ đầu tư hoặc bên thứ ba được Tư vấn/ Chủ đầu tư chỉ định thì Nhà thầu phụ phải thực hiện với chi phí của mình mọi sửa chữa các khiếm khuyết, sai sót bao gồm nhưng không giới hạn việc dỡ bỏ, thi công lại, thi công bổ sung theo chỉ dẫn của Tư vấn/ Chủ đầu tư.

19.2 Thời gian sửa chữa sai sót

Nhà thầu phụ sẽ thực hiện công tác sửa chữa các sai sót và bảo hành theo thời hạn của Hợp đồng thầu chính.

19.3 Bảo hành vật liệu

Theo yêu cầu trong Hợp đồng thầu chính.

Đối với các vật liệu, theo yêu cầu trong Hợp đồng thầu chính, có thời gian bảo hành lớn hơn Thời gian sửa chữa sai sót tại Khoản 19.2 thì Nhà thầu phụ có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo hành này. Trong trường hợp Nhà thầu phụ không thực hiện nghĩa vụ này, Thầu chính có quyền khấu trừ số tiền thực tế phải trả để thực hiện nghĩa vụ bảo hành vật liệu với Chủ đầu tư vào các khoản phải trả Nhà thầu phụ ở các Dự án, Công trình khác hoặc khởi kiện đòi bồi thường tùy theo quyết định của mình.

20. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỎ SÓT

20.1 Lệnh thay đổi

Nhà thầu phụ sẽ phải thi hành các lệnh thay đổi trong công việc Hợp đồng, cụ thể:

Theo lệnh của Tư vấn theo Hợp đồng chính và đã được Thầu chính xác nhận bằng văn bản cho Thầu phụ; hoặc

Văn bản yêu cầu được Thầu chính xác nhận bằng văn bản.

Bất cứ mệnh lệnh nào liên quan đến công việc của Hợp đồng mà do Tư vấn đưa ra theo Hợp đồng thầu chính và bao gồm các thay đổi được đề cập theo đúng mục đích của điều khoản này sẽ được xem là tạo thành một thay đổi của công việc Hợp đồng, nếu Thầu chính xác nhận theo đúng mục 20.2 của điều khoản này.

Nếu theo yêu cầu của công việc, theo đánh giá của Thầu chính là công việc cần thiết để tránh chậm trễ tiến độ hoặc các rủi ro cho an toàn của con người, thiết bị và các công trình thì theo yêu cầu của Thầu chính, Thầu phụ phải thực hiện các công việc phát sinh kể cả hai bên chưa thống nhất được đơn giá và giá trị phát sinh.

20.2 Không thực hiện theo lệnh chưa được xác nhận

Nhà thầu phụ sẽ không thi hành lệnh chưa được xác nhận đối với những thay đổi của công việc Nhà thầu phụ mà mình trực tiếp nhận được từ Tư vấn. Nếu Nhà thầu phụ nhận được bất kỳ mệnh lệnh trực tiếp nào như thế, thì Nhà thầu phụ có trách nhiệm thông báo cho người có trách nhiệm của Thầu chính về việc đó và sẽ cung cấp cho người này bản sao mệnh lệnh đó nếu mệnh lệnh đó bằng văn bản. Nhà thầu phụ chỉ sẽ thực hiện mệnh lệnh được hướng dẫn bằng văn bản của Thầu chính, tuy nhiên Thầu chính sẽ cung cấp những hướng dẫn đó với khoảng thời gian hợp lý.

20.3 Nhà thầu phụ không có quyền thay đổi hay bổ sung

Nhà thầu phụ không có quyền thay đổi hay bổ sung gì đối với phần công việc của Hợp đồng.

20.4 Đánh giá thay đổi

Việc đánh giá các thay đổi theo lệnh ở trên theo mục 20.1 và 20.2 của điều khoản này sẽ được thoả thuận đồng ý thông qua đàm phán giữa Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ theo các nguyên tắc sau:

- Nơi công việc có đặc tính tương tự hoặc được thực hiện trong điều kiện tương tự với công việc trong Bảng tiên lượng của Thầu phụ, thì nó sẽ được đánh giá ở mức và theo những giá cả được chỉ ra trong đó mà có thể được áp dụng.
- Nơi phần công việc không có đặc tính tương tự hoặc chưa được thực hiện trong điều kiện tương tự, thì mức và giá cả sẽ được thoả thuận đàm phán theo cách công bằng và hợp lý. Cách công bằng và hợp lý được hiểu là giá thị trường đối với một thầu phụ thông thường, có tính đến các lợi thế của Nhà thầu phụ trong việc đã huy động thiết bị, nhân công và chi phí công trường.

Nhà thầu phụ, trong trường hợp có yêu cầu của Nhà thầu chính trong việc cung cấp tài liệu, giải trình cùng Nhà thầu chính trong việc bảo vệ các đánh giá nêu ở trên với Chủ đầu tư/ Tư vấn, mà không đáp ứng đầy đủ thì Nhà thầu chính có quyền áp dụng các đánh giá của mình trên cơ sở cân nhắc các đánh giá đã được Chủ đầu tư/ Tư vấn phê duyệt.

Trong thời gian Nhà thầu chính xem xét phê duyệt các thay đổi nêu trên Nhà thầu phụ không được trì hoãn hoặc có bất cứ hoạt động nào ảnh hưởng đến công việc thi công trên công trường. Mọi sự trì hoãn của Nhà thầu phụ được coi như là lỗi của Nhà thầu phụ và Thầu chính sẽ áp dụng các quy định tại Điều 26 Thiệt hại do chậm hoàn thành công việc.

Nếu việc trì hoãn của Thầu phụ dẫn đến Nhà thầu chính phải thuê nhà thầu phụ khác thực hiện thì Nhà thầu chính có quyền khấu trừ vào thanh toán của Nhà thầu phụ giá trị chênh lệch giữa giá trị phải trả cho nhà thầu phụ khác và đánh giá thay đổi theo các nguyên tắc nêu ở các đoạn trên của Khoản này.

20.5 Thanh toán thay đổi hay bổ sung

Những thay đổi hay bổ sung sẽ chỉ được Nhà thầu chính thanh toán cho Nhà thầu phụ khi Nhà thầu chính được thanh toán từ Chủ đầu tư.

21. NHỮNG THAY ĐỔI NHỎ TRONG CÔNG VIỆC

Nhà thầu chính có quyền ra lệnh có những thay đổi nhỏ nếu công việc được yêu cầu không liên quan đến việc điều chỉnh trong giá Hợp đồng hay gia hạn thời gian hoàn thành. Những thay đổi đó sẽ không được xem như không nhất quán với công việc của Hợp đồng. Trong trường hợp những thay đổi nhỏ đó có ảnh hưởng tới công việc của Hợp đồng, chúng sẽ không được coi làm phát sinh chi phí của Hợp đồng.

22. BẢO HIỂM VÀ BỒI THƯỜNG

22.1 Sự cẩn trọng trong công việc

Kể từ khi khởi công công việc của Hợp đồng cho tới ngày Nhà thầu chính phát hành Giấy chứng nhận hoàn thành cuối cùng hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao, Nhà thầu phụ sẽ chịu trách nhiệm thực hiện công việc một cách cẩn trọng. Nếu có bất cứ mất mát hay thiệt hại nào xảy ra cho công việc của Hợp đồng, một phần hoặc toàn bộ, do bất cứ nguyên nhân nào thì Nhà thầu phụ sẽ phải sửa chữa để hoàn thành bằng chi phí của mình sao cho công việc của Hợp đồng trong tình trạng và điều kiện tốt và sẽ phải tuân thủ theo đúng mọi yêu cầu của Hợp đồng và hướng dẫn của Nhà Thầu chính.

22.2 Bảo hiểm công trình của Hợp đồng và máy móc thi công

Không hạn chế đối với trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo mục 21.1 điều khoản này, nếu có yêu cầu của Nhà thầu chính bằng văn bản, Nhà thầu phụ phải mua bảo hiểm cho Công trình tạm cho toàn bộ giá trị của công việc đó trong suốt thời gian thi công cộng với 10% để bảo hiểm cho bất kỳ chi phí bổ sung nào phát sinh cho việc dỡ bỏ, phục hồi hay sửa chữa những mất mát và thiệt hại đó.

Kết hợp với Chủ đầu tư và Nhà Thầu chính, Nhà thầu phụ chịu trách nhiệm thực hiện

các biện pháp phòng ngừa, hạn chế các rủi ro, tổn thất và thiệt hại dù bất cứ nguyên nhân nào phát sinh cho những gì bản thân chịu trách nhiệm theo đúng điều kiện và điều khoản của Hợp đồng theo cách mà Chủ đầu tư, Nhà Thầu chính và Nhà thầu phụ được bảo hiểm trong thời gian thực hiện công việc của Hợp đồng và cũng được bảo hiểm trong thời gian bảo hành cho bất kỳ mất mát, thiệt hại mà Nhà thầu phụ gây ra trong quá trình tiến hành các hoạt động nhằm mục đích tuân thủ theo đúng trách nhiệm nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng thầu chính có liên quan đến Hợp đồng này.

22.3 Bảo hiểm khỏi tai nạn thương tật cho nhân công

Thầu chính sẽ không chịu trách nhiệm cho hoặc liên quan đến bất kỳ thiệt hại nào hay đền bù phải trả nào theo qui định của luật pháp là hậu quả của tai nạn hay bị thương cho nhân công hay người khác làm việc cho Thầu phụ.

Nhà thầu phụ phải mua bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm thương tật cho tất cả nhân công hay người khác làm việc cho Thầu phụ liên quan tới Hợp đồng này.

22.4 Bảo hiểm thiết bị thi công

Nhà thầu phụ sẽ chịu trách nhiệm mua bảo hiểm thiết bị do mình làm chủ, hay đi thuê để thực hiện công việc của Hợp đồng.

22.5 Nhà thầu phụ không thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm theo Hợp đồng

Nếu Nhà thầu phụ không mua đủ các loại bảo hiểm theo các quy định nêu ở điều khoản này thì trong trường hợp đó Thầu chính sẽ mua bảo hiểm cho các hạng mục kể trên trong suốt thời gian thi công và sẽ khấu trừ vào các khoản thanh toán cho Nhà thầu phụ hoặc xác định các khoản nợ tương ứng của Thầu phụ.

23. BẤT KHẢ KHÁNG

23.1 Bất khả kháng

Bất khả kháng được định nghĩa và xác định theo Hợp đồng chính.

23.2 Sửa chữa

Trong trường hợp hư hại xảy ra cho công trình của Hợp đồng do bất khả kháng như đã qui định trong Hợp đồng này, Thầu chính có thể yêu cầu Nhà thầu phụ sửa chữa ngay lập tức. Chi phí cho công việc này sẽ được tính theo thỏa thuận giữa hai bên. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận về chi phí này, Thầu chính quyết định theo giá thị trường tại thời điểm thực hiện sửa chữa.

23.3 Tạm dừng công việc của Hợp đồng

Trong trường hợp hư hại xảy ra hoặc phá hỏng công trình của Hợp đồng do kết quả của bất kỳ trường hợp bất khả kháng nào, và nếu vì hư hại phá vỡ đó khiến Nhà thầu phụ không thể tiếp tục thực hiện công việc của mình hoặc nếu Nhà thầu phụ phải chờ sự cho phép để tiếp tục thực hiện sửa chữa theo mục (22.2) của điều khoản này, thì Nhà thầu phụ phải thông báo bằng văn bản cho Thầu chính và công việc của Hợp đồng phải tạm dừng theo quy định tại Điều 24 của Hợp đồng này.

24. GIA HẠN THỜI GIAN HOÀN THÀNH

24.1 Yêu cầu gia hạn thời gian

Nếu có bất kỳ trường hợp nào chậm trễ liên quan đến Hợp đồng chính hoặc điều kiện bất khả kháng (thiên tai, động đất) hoặc các trường hợp đặc biệt khác có thể xảy ra (lệnh cấm đường của thành phố), ngoại trừ nguyên nhân do lỗi của Nhà thầu phụ thì Nhà thầu phụ sẽ có quyền có thêm thời gian gia hạn để hoàn thành công việc của Hợp đồng.

24.2 Xác định và chứng nhận gia hạn thời gian

Việc xác định và chứng nhận gia hạn thời gian theo mục 1 của điều khoản này cho

Nhà thầu phụ sẽ tuỳ thuộc vào quyết định và chứng nhận gia hạn thời gian của Chủ đầu tư dành cho Nhà Thầu chính theo Hợp đồng thầu chính.

25. TẠM DỪNG CÔNG VIỆC

25.1 Tạm dừng công việc theo mệnh lệnh của Thầu chính

Nhà thầu phụ sẽ theo mệnh lệnh bằng văn bản của Thầu chính hoặc đại diện của Thầu chính tạm dừng thi công công việc của Hợp đồng hay bất cứ phần công việc nào vào thời gian và theo cách mà Thầu chính hay đại diện Thầu chính xét thấy cần thiết; và sẽ có biện pháp phù hợp bảo vệ công trình đúng cách trong suốt thời tạm dừng đó nếu theo ý kiến của Thầu chính hoặc đại diện của Thầu chính là cần thiết.

25.2 Chậm trễ do tạm dừng

Chậm trễ do tạm dừng theo mệnh lệnh như đã qui định ở điều khoản này sẽ được đưa vào xem xét để xác định thời gian gia hạn mà Nhà thầu phụ có quyền có theo điều 24 khi tạm dừng (thời gian gia hạn thi công sẽ tương ứng với thời gian nhà Nhà thầu phụ bị tạm dừng thi công) trừ trường hợp tạm dừng sau:

- được qui định khác trong Hợp đồng, hoặc
- cần thiết vì lỗi của Thầu phụ, hoặc
- cần thiết để thực hiện công việc của Hợp đồng và vì an toàn của công việc Hợp đồng hay phần công việc nào khác miễn là sự cần thiết đó không phát sinh từ lỗi của Nhà thầu chính, hoặc Chủ đầu tư hoặc từ bất kỳ trường hợp bất khả kháng nào được xác định trong Hợp đồng và/hoặc Hợp đồng thầu chính.

25.3 Kết thúc/ chấm dứt sau khi tạm dừng do bất khả kháng

Trong trường hợp dừng toàn bộ công việc của Hợp đồng do bất kỳ trường hợp bất khả kháng nào, Hợp đồng chính có thể tạm dừng, và trong trường hợp sự tạm dừng này là liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày hoặc một khoảng thời gian khác do Hợp đồng thầu chính quy định, thì Hợp đồng chính có thể bị chấm dứt theo điều kiện của "Bất khả kháng". Tuân thủ theo việc chấm dứt Hợp đồng thầu chính, Thầu chính, theo qui định của điều 27, cũng sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng này.

25.4 Tạm dừng bởi Thầu phụ

Nhà thầu phụ có quyền tạm dừng công việc nếu Thầu chính không tuân thủ Điều khoản thanh toán trong quy định trong Dữ liệu Hợp đồng quá 60 ngày bằng cách phát hành thư Thông báo cho Thầu chính không muộn hơn 7 ngày trước khi bắt đầu tạm dừng cho đến khi Nhà thầu phụ được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng.

Trong mọi trường hợp khác như đã quy định ở đoạn trên khoản này, Nhà thầu phụ không được tạm dừng công việc nếu không có sự chấp thuận của Thầu chính.

26. THIỆT HẠI DO CHẬM HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC

26.1 Thiệt hại phải thanh toán

Nếu Nhà thầu phụ không hoàn thành toàn bộ công việc của Hợp đồng trong thời gian đã qui định hoặc bất kỳ thời gian nào được gia hạn theo điều 24, thì Nhà thầu phụ sẽ phải trả cho Thầu chính số tiền bằng tỷ lệ được quy định tại Dữ liệu Hợp đồng trên giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trôi qua từ ngày kết thúc công việc được quy định hay khoảng thời gian được gia hạn cho đến ngày hoàn thành toàn bộ công việc của Hợp đồng.

26.2 Thiệt hại không phải là một khoản phạt

Tất cả các số tiền phải trả bởi Nhà thầu phụ cho Thầu chính theo điều này sẽ được thanh toán như là những thiệt hại phải thanh toán cho sự chậm trễ chứ không phải

như là một khoản tiền phạt.

Toàn bộ các chi phí phát sinh do sự chậm tiến độ thi công mà Thầu phụ gây ra đối với Thầu chính (chi phí thuê Tư vấn, phạt chậm tiến độ của Chủ đầu tư.. nếu có) cũng sẽ là một khoản thiệt hại mà thầu phụ phải thanh toán cho Thầu chính.

27. BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

Nhà thầu phụ có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định của Nhà nước hoặc quy định của Hợp đồng thầu chính đối với các khối lượng do mình thực hiện kể từ ngày bàn giao công trình;

Thời gian bảo hành quy định trong Dữ liệu Hợp đồng kể từ ngày Chủ đầu tư ký biên bản hoàn thành bàn giao công trình;

Thầu chính sẽ giữ lại một tỷ lệ trên Giá trị hợp đồng được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng để đảm bảo trách nhiệm bảo hành của Thầu phụ.

Thầu chính có thể cho phép Nhà thầu phụ nhận khoản tiền trên và trong trường hợp đó Nhà thầu phụ phải mở một bảo lãnh bảo hành (theo mẫu kèm theo) có giá trị tương đương tại một ngân hàng do Thầu chính chỉ định.

28. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG THẦU CHÍNH

28.1 Thông báo chấm dứt

Nếu hợp đồng thầu chính chấm dứt vì bất kỳ lý do nào trước khi Nhà thầu phụ đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, thì Thầu chính có thể vào bất cứ thời điểm nào bằng thông báo ngay lập tức cho Nhà thầu phụ chấm dứt công việc của Nhà thầu phụ theo Hợp đồng.

28.2 Thanh toán khi chấm dứt

Ngay khi chấm dứt công việc của Nhà thầu phụ theo Hợp đồng, các điều kiện khác của Hợp đồng này sẽ tạm dừng có hiệu lực và theo đúng mục 27.3 sau đây, Nhà thầu phụ sẽ có quyền được thanh toán theo Hợp đồng cho khối lượng công việc hoàn thành và những chi phí phát sinh cho tới ngày chấm dứt.

Chi phí phát sinh bao gồm các khối lượng hoàn thành được xác định khi tạm dừng thi công không bao gồm các chi phí giải thể máy móc thiết bị của Nhà thầu phụ. Các thanh toán này chỉ được thực hiện khi Chủ đầu tư đã thực hiện thanh toán cho Nhà thầu chính và phải được Nhà thầu chính chấp thuận.

28.3 Nhà thầu phụ vi phạm Hợp đồng

Nếu Hợp đồng thầu chính bị Chủ đầu tư chấm dứt do hậu quả của việc Nhà thầu phụ vi phạm Hợp đồng thì xử lý như sau:

- Nhà thầu phụ phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu chính theo quy định của Hợp đồng;
- Thầu chính sẽ ấn định và xác định số tiền hợp lý có thể thanh toán cho Nhà thầu phụ liên quan đến phần công việc được thực hiện thực tế bởi Nhà thầu phụ theo Hợp đồng và giá trị có thể thanh toán cho bất cứ nguyên vật liệu, máy móc, công trình tạm nào đã được sử dụng cho công việc của Hợp đồng.
- Thầu chính sẽ không chịu trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu phụ bất cứ khoản tiền nào theo Hợp đồng cho tới khi Thầu chính được thanh toán bởi Chủ đầu tư cho phần công việc thực tế được thực hiện theo hợp đồng thầu chính và tới khi các chi phí, thiệt hại nếu có và tất cả các chi phí khác mà Thầu chính phải chịu kết quả từ việc chấm dứt hợp đồng chính do hậu quả của việc Nhà thầu phụ vi phạm Hợp đồng đã được xác định chắc chắn và số tiền đã được Thầu chính xác nhận.
- Nếu số tiền Nhà thầu phụ bị phạt hợp đồng và phải bồi thường cho Nhà thầu chính vượt quá số tiền mà Nhà thầu phụ được thanh toán, thì Nhà thầu phụ theo

yêu cầu của sẽ phải thanh toán cho nhà Thầu chính số tiền vượt trội và đó được xem là khoản nợ mà Nhà thầu phụ nợ nhà thầu chính và sẽ được trả sau đó. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu chính có thể sẽ rút bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc khấu trừ vào các khoản phải trả Nhà thầu phụ ở các Dự án, công trình khác hoặc khởi kiện đòi bồi thường tùy theo quyết định của mình.

29. LỖI CỦA THẦU PHỤ

29.1 Hành động gây lỗi

Nếu Thầu phụ

- Bị tuyên bố phá sản, phải chuyển nhượng cho chủ nợ hoặc nếu một người nhận được chỉ định giải quyết tình trạng không thanh toán được nợ của Thầu phụ; hoặc
- Không có lý do hợp lý, không tiến hành khởi công công việc của Hợp đồng trong thời gian đã chỉ rõ;
- Không tiến hành công việc của Hợp đồng đúng thời gian và đầy đủ sau khi được Thầu chính yêu cầu thực hiện bằng văn bản lần thứ 2; hoặc
- Thường xuyên không áp dụng các biện pháp cảnh báo an toàn đúng cách và hợp lý để bảo vệ công việc, công trình của Hợp đồng sau khi Thầu chính đã hướng dẫn; hoặc
- Từ chối thu dọn vật tư, hàng hóa không đạt yêu cầu, rác thải, đất rơi vãi ...theo lệnh bằng văn bản của Thầu chính; hoặc
- Không thực hiện công việc của Hợp đồng hay thực hiện nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng sau khi được Thầu chính yêu cầu thực hiện bằng văn bản.

Trong những trường hợp nêu trên, Nhà Thầu chính có quyền thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu phụ ngay lập tức chấm dứt công việc của Nhà thầu phụ theo Hợp đồng.

29.2 Xác định giá trị thanh toán

Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Khoản 28.1 nêu trên thì Nhà thầu chính có quyền ấn định/xác định số tiền trả cho Thầu phụ hoặc sau khi tham khảo ý kiến tư vấn của các bên và/hoặc sau khi điều tra khảo sát, Thầu chính sẽ xác định số tiền trả cho Thầu phụ, nếu có, một cách hợp lý.

29.3 Thanh toán sau khi chấm dứt

Nếu Hợp đồng chấm dứt theo điều khoản này, thì Thầu chính sẽ không chịu trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu phụ bất cứ khoản tiền nào của Hợp đồng cho tới khi hết hạn thời gian bảo hành với điều kiện Nhà thầu chính đã được Chủ đầu tư thanh toán cho hạng mục đó.

Nhà thầu phụ sau đó sẽ có quyền nhận số tiền còn lại được xác định khi chấm dứt hợp đồng, nếu có, sau khi đã khấu trừ các chi phí bảo hành, sửa chữa.

Nếu số tiền đó vượt quá số tiền mà Nhà thầu phụ được thanh toán, thì Nhà thầu phụ theo yêu cầu của Thầu chính sẽ phải thanh toán cho Thầu chính số tiền vượt trội trong vòng 15 ngày kể từ ngày có Văn bản yêu cầu của Thầu chính.

29.4 Cắt giảm phạm vi công việc của Hợp đồng

Thầu chính có thể, thay vì đưa ra thông báo chấm dứt theo điều khoản này, tham gia vào phần công việc của Hợp đồng đã giao cho Nhà thầu phụ và có thể tự bản thân hoặc cử đại diện của Thầu chính hoặc thuê Nhà thầu phụ khác thực hiện và hoàn thành phần công việc đó. Trong trường hợp đó, Thầu chính sẽ thu các chi phí đã trả cho việc thực hiện công việc của Hợp đồng hoặc khấu trừ từ số tiền phải trả cho Thầu phụ.

29.5 Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Trong mọi trường hợp vi phạm Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu phụ, Nhà thầu chính có quyền yêu cầu Nhà thầu phụ nộp một khoản phạt có giá trị bằng 10% phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

Trong mọi trường hợp vi phạm Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu phụ trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại cho Nhà thầu chính thì Nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu chính.

Trường hợp Nhà thầu chính đã có Văn bản yêu cầu Nhà thầu phụ nộp phạt hoặc chuyển tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu chính mà Nhà thầu phụ cố tình chây ỳ, chậm chuyển các khoản tiền nói trên, thì Nhà thầu chính có quyền khấu trừ vào tiền bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hoặc giá trị khối lượng thanh toán cho Nhà thầu phụ tại Hợp đồng này hoặc ở các Dự án, Công trình khác hoặc khởi kiện đòi bồi thường tùy theo quyết định của mình.

30. LÀM VIỆC VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Trong trường hợp có các yêu cầu từ các cơ quan nhà nước làm việc, giải trình các vấn đề liên quan đến Dự án thì Nhà thầu phụ có trách nhiệm cùng Thầu chính thực hiện công việc này.

Đối với các Dự án có vốn Nhà nước, Dự án BOT, các dự án có dự đòi hỏi phải có thanh tra, kiểm toán theo quy định trong trường hợp Nhà thầu phụ được giao thi công toàn bộ hoặc một phần của Công trình dựa trên Dự toán được các cơ quan Nhà nước phê duyệt, thì các kết luận của các cơ quan nhà nước về Dự án sẽ được áp dụng cho Nhà thầu phụ bất kể việc Thầu chính đã ký xác nhận quyết toán, thanh toán toàn bộ số tiền cho Nhà thầu phụ.

31. LUẬT ÁP DỤNG - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP – ĐỊA ĐIỂM TÀI PHÁN

31.1 Luật áp dụng

Hợp đồng này được áp dụng và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam, ngoại trừ những nội dung liên quan tới Hợp đồng chính sẽ được áp dụng và điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật quy định tại Hợp đồng chính.

31.2 Bất đồng được giải quyết thông qua đàm phán hoà giải

Hợp đồng sẽ được thực hiện trong sự tin tưởng bởi các bên và trong trường hợp có bất cứ sự bất đồng, tranh luận hay tranh chấp nào phát sinh giữa Nhà Thầu chính và Nhà thầu phụ liên quan đến và phát sinh từ Hợp đồng, thì tất cả các nỗ lực sẽ được cả hai bên thực hiện để giải quyết thông qua cùng nhau thoả thuận hoà giải.

31.3 Giải quyết tranh chấp

Các tranh chấp liên quan đến hợp đồng này mà các bên không thể đi đến thống nhất bằng cách thương lượng sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền với các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Chi phí giải quyết khiếu nại và các chi phí liên quan do bên có lỗi chịu.

31.4 Địa điểm tài phán

Địa điểm giải quyết tranh chấp là Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội.

PHỤ LỤC 01. MA TRẬN PHẠM VI CÔNG VIỆC NHÀ THẦU PHỤ

Gói thầu: Cung cấp vật tư và thi công hệ thống cấp nước, thoát nước thải và thông tin liên lạc hạ tầng

Dự án: Đầu tư xây dựng Phân khu A – Khu đô thị phía Bắc Quốc lộ 5 thuộc khu đô thị Phố Nối, tỉnh Hưng Yên

1.1. Phạm vi chung

STT	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện		Ghi chú
		Tổng thầu	Nhà thầu phụ	
A	**Công tác chung**			
1	Chi phí bảo lãnh tạm ứng, bảo hành, ... (của bên B bảo đảm cho bên A)		X	Theo điều kiện Hợp đồng
2	Giao nhận mặt bằng	X	X	
3	Bảo vệ công trình hoàn thành (Nhà thầu chính bảo đảm an toàn khu vực cổng ra vào) chi phí bảo vệ khu vực cổng sẽ được bên A phân bổ cho các nhà thầu thi công trong cùng thời gian theo sản lượng thực hiện.		X	
4	Bảo vệ an ninh trật tự người và tài sản		X	
5	Hệ thống biển báo, biển hiệu, chỉ dẫn an toàn vệ sinh lao động, người hướng dẫn chung		X	
6	Rào chắn bảo vệ kho, bãi vật tư vật liệu		X	
7	Thí nghiệm các vật tư của nhà thầu cung cấp theo yêu cầu mời thầu, vật liệu theo các tiêu chí được tổng thầu phê duyệt		X	
8	Tham gia kiểm tra; giám sát công tác lắp đặt ống chờ	X	X	Bên A thông báo, bên B phối hợp
9	Điện, nước phục vụ thi công		X	Bên A cấp nguồn, Bên B lắp đồng hồ và chịu chi phí.
10	Huy động và giải thể của Vật tư, máy móc, thiết bị và con người		X	
11	Đường tạm/ lối vào công trường	X		
12	Thu gom tập kết cho vào bao, vận chuyển vật liệu thải đến bãi tập trung trong công trường		X	
13	Vận chuyển vật liệu thải xây dựng đem đi xử lý , thực hiện tất cả các thủ tục pháp lý theo quy định liên quan đến bãi tập kết rác thải, cấp phép xả thải ra môi trường.		X	Bên A ký hợp đồng XL rác thải phân bổ theo thỏa thuận với

STT	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện		Ghi chú
		Tổng thầu	Nhà thầu phụ	
				Bên B
14	Bản vẽ thi công, shopdrawing, bản vẽ combine các hệ thống TNM,TNT, cấp nước,TTLL Bao gồm các hạng mục của đơn vị xây dựng.		X	
15	Biện pháp thi công		X	
16	Biện pháp an toàn lao động		X	
17	Kiểm tra công trường trước khi thi công		X	
18	Khu vực để xe thầu phụ (Xe cán bộ + công nhân)		X	
19	Công tác kết nối với các nhà thầu hoàn thiện khác có liên quan đến mình trong quá trình thi công		X	
20	Biện pháp bảo vệ các hạng mục công việc hoàn thành thi công cho đến khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	X	X	Theo điều kiện riêng số 04: Điều kiện nghiệm thu
21	Biện pháp bảo vệ các hạng mục công việc đã hoàn thành trước của đơn vị khác.		X	
22	Kiểm tra sự phù Hợp của bản vẽ do chủ đầu tư cung cấp		X	
23	Tham gia các cuộc họp theo yêu cầu của chủ đầu tư		X	
24	Vệ sinh mặt bằng sau khi thi công		X	
B	**Công tác nghiệm thu vật liệu đầu vào của nhà thầu phụ**			
1	Trình mẫu vật tư vật liệu và các tiêu chí thí nghiệm vật tư, vật liệu		X	
2	Phê duyệt vật tư vật liệu và các tiêu chí thí nghiệm vật tư, vật liệu	X		
3	Kiểm tra vật tư, thiết bị tại nơi sản xuất	X	X	
4	Vận chuyển vật tư, vật liệu về công trình và lên vị trí lắp đặt		X	
5	Kiểm tra, lấy mẫu khi hàng về công trình	X	X	
6	Cung cấp hồ sơ phục vụ công tác nghiệm thu (CO, CQ, , packing list, vận đơn, thí nghiệm, test report với hàng nhập khẩu và chứng chỉ xuất xưởng với hàng trong nước) (theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 10-Thông số kỹ thuật và Chứng từ chất lượng)		X	Cung cấp 01 bản gốc hoặc 6 bản sao y công chứng

STT	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện		Ghi chú
		Tổng thầu	Nhà thầu phụ	
7	Nghiệm thu vật liệu đầu vào	X		

1.2 Phạm vi công việc chi tiết

Quy cách chất lượng hàng hóa

Chất lượng hàng hóa theo quy chuẩn của nhà sản xuất.

Hàng hóa được giao phải đảm bảo theo đúng chất lượng, kích thước theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

Hàng mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện, chưa qua sử dụng và có đầy đủ chứng chỉ chất lượng của hàng hóa, các model được sản xuất từ năm 2025 trở lên.

Hàng hóa về công trường sẽ được kiểm tra so sánh hình thức, chất lượng với mẫu bên B đã trình và được bên A duyệt,

Quy cách xếp hàng: Hàng nguyên đai, nguyên kiện xếp ngay ngắn đảm bảo trong quá trình vận chuyện và thuận tiện cho việc dỡ, hạ hàng,

Sau khi giao hàng, ngoài tài liệu kỹ thuật nhà sản xuất đã gửi kèm theo hàng hóa, trong vòng 05 ngày kể từ ngày giao hàng (không bao gồm ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ) Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 1 bộ gốc và 6 bộ sao y chứng thực các giấy tờ được quy định tại Phụ lục 10 – Thông số kỹ thuật và Chứng từ chất lượng

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
I	**THIẾT BỊ CHÍNH, VẬT TƯ CHÍNH**			
1	Toàn bộ vật tư chính và phụ kiện theo phụ lục hợp đồng		X	Toàn bộ các vật tư, thiết bị đưa vào thi công phải theo chủng loại vật tư, thiết bị theo danh mục vật tư trong hợp đồng giữa Tổng thầu và Chủ đầu tư. Trong trường hợp vật tư, thiết bị đó không có trong danh mục vật tư thì phải được Tổng thầu phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng
II	**Công tác vận chuyển**			

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
2	Đối với các thiết bị, vật tư do bên A cung cấp	X	X	- Bên A yêu cầu nhà cung cấp hạ hàng xuống kho của bên B (cạnh lán chỉ huy của bên A). Bên B nhận hàng tại kho, kiểm tra chất lượng, nếu không đảm bảo sẽ lập biên bản trả lại nhà cung cấp - Bên B có trách nhiệm vận chuyển từ kho của bên B tới vị trí lắp đặt
III	**Công tác xin cấp phép thi công, nghiệm thu PCCC, vận hành, chạy thử, nghiệm thu tổng thể với chủ đầu tư và với cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành**	X		
IV	**Công tác thi công**			
1	Thi công các hạng mục TNT, TTLL, Cấp nước, PCCC theo phạm vi hợp đồng. (Ngoại trừ các hạng mục: hố ga, cống bê tông, xử lý mối nối ống với hố ga, đấu nối trước và sau các trạm xử lý, xử lý kỹ thuật tại các điểm giao cắt)		X	
2	Công tác đào, đắp hoàn trả hố ga đảm bảo mặt bằng cho bên B thi công ống	X		
3	Vệ sinh hố ga sau thi công	X	X	
4	Vệ sinh đường ống sau thi công		X	
5	Nhập vật tư về dự án	X	X	Bên B đệ trình kế hoạch vật tư cho bên A trước 15 ngày làm việc, bao gồm các vật tư bên A và CĐT cấp. Bên B chịu trách nhiệm về số liệu đệ trình và hao hụt vật tư.
V	**Vận hành chạy thử nghiệm hệ thống**			
1	Công tác nghiệm thu, thử áp, thử kín, thí nghiệm…		X	

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
2	Công tác bảo vệ sản phẩm thi công sau nghiệm thu trước khi bàn giao (Nút bịt các vị trí hố ga, đầu chờ...)	X	X	- Bên A yêu cầu đợn vị thi công hố ga có trách nhiệm đậy nắp các hố ga TNM, TNT ngay sau khi bên B nghiệm thu thử kín hoàn thành - Bên B đậy nút bịt tại các vị trí đầu chờ trên tuyến trong quá trình thi công, hoặc các vị trí đấu chờ chưa có hố ga
3	Cung cấp và chi trả chi phí điện, nước cho quá trình thi công, nghiệm thu, thử nghiệm, thí nghiệm.		X	
4	Vận hành ổn định hệ thống trong 03 tháng		X	
6	Cung cấp tài liệu hướng dẫn vận hành		X	
7	Đào tạo hướng dẫn vận hành		X	
8	Đối với thiết bị khác do bên A cung cấp, bên A có trách nhiệm yêu cầu hãng cung cấp phối hợp với các bên chạy thử, chạy liên động hệ thống và hướng dẫn vận hành.	X	X	Bên B phối hợp với bên A theo PVCV gói thầu
9	Công tác nghiệm thu cơ quan chức năng (nếu có)	X	X	Bên A chủ trì, Bên B phối hợp theo PVCV gói thầu
II	**THIẾT BỊ NHÂN LỰC, VẬT TƯ PHỤ**			
A	**Máy móc, thiết bi**			
1	Máy móc, dụng cụng cầm tay phục vụ thi công		X	
2	Vận chuyển, giải thể máy móc, thiết bị, vật tư phụ ...		X	
B	**Nhân lực**			
1	Bộ máy quản lý thi công trên công trường thuộc phạm vi công việc Nhà thầu (Không bao gồm phục vụ nội nghiệp của nhà thầu như bảo vệ, nấu ăn, kế toán nội bộ, thủ kho, thợ điện nước, ..)		X	
2	Trắc đạc thi công		X	Bên A bàn giao Tim, mốc tọa độ. Bên B triển khai.
3	Các tổ đội thi công		X	
4	Dọn vệ sinh khu vực phạm vi thi công và vận chuyển rác thải xuống khu vực tập theo quy định của BĐH		X	NTP có trách nhiệm dọn vệ sinh ngay sau khi kết thúc công việc hàng ngày
C	**Vật tư phụ**		X	Không bao gồm cho các vật tư do bên A cấp
III	**HỒ SƠ PHỤC VỤ THI CÓNG**			
A	**Hồ sơ thiết kế, bản vẽ**			

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
1	Biện pháp thi công (thuyết minh, bản vẽ) bao gồm cả chi phí thẩm tra, bảng tính các công trình phụ trợ	X	X	Bên B lập biện pháp thi công chi tiết cho các phần công việc của mình, bên A kiểm tra, trình BPTC với TVGS, CĐT
2	Lập bản vẽ shop drawing		X	
B	**Thí nghiệm vật liệu**			
1	Thí nghiệm vật liệu		X	Chi phí do bên B chịu, theo yêu cầu của Dự án.
C	**Hồ sơ pháp lý**			
1	Hồ sơ năng lực Nhà thầu phụ		X	
2	Hồ sơ kiêm định máy móc, thiết bị		X	Theo quy định hiện hành
3	Bằng cấp, chứng chỉ của cán bộ kỹ thuật và công nhân vận hành		X	Phù hợp với nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành
4	Danh sách và Chứng minh thư photo của Công nhân		X	Đóng dấu xác nhận của công ty
D	**Hồ sơ chất lượng, hoàn công**			
1	Lập bản vẽ hoàn công, khối lượng thanh toán nội bộ		X	Bên B lập, bên A kiểm tra, mẫu bên A cấp
2	Lập bàn vẽ hoàn công, khối lượng thanh toán A-B		X	Bên B lập, bên A kiểm tra, mẫu bên A cấp Khối lượng tính theo bản vẽ shop drawing đã được phê duyệt
3	Lập hồ sơ chất lượng		X	Theo quy định hiện hành và theo yêu cầu của Bên A
E	**Công tác khác**			
1	Đền bù người lao động và các loại Bảo hiểm khác theo quy định của Hợp đồng (nếu cần thiết)		X	
2	Đồ dùng cho công nhân, nhân viên Bên B		X	
3	Nhà ở của công nhân, cán bộ bên B bên ngoài hiện trường		X	
4	Đệ trình/cung cấp mẫu, catalog cho phê duyệt vật liệu của bên B		X	
5	Bốc xếp, vận chuyển, trông giữ, bảo quản vật tư phục vụ thi công trong phạm vi Thầu phụ cung cấp		X	- Bên B bố trí hạ vật tư (theo đúng kế hoạch đã đăng ký với Bên A) từ xe xuống bãi tạm và vận chuyển đến bãi, kho chứa; vận chuyển từ kho bãi chứa đến vị trí thi công do Bên A chỉ định và tới các vị trí thi công của Bên B. Bên B cung cấp máy thiết bị vận chuyển, bố trí người vận hành. Yêu cầu Bên B bố trí nhân công 24/24 đảm bảo hạ, vận chuyển ngay khi vật tư về công trường, không gây cản trở mặt bằng.

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
6	Kế hoạch, báo cáo tiến độ thi công theo ngày, tuần và các yêu cầu của Vinaconex.		X	
7	Tham gia cuộc họp tại công trường		X	Giám đốc dự án (Chỉ huy trưởng) bên B phải tham gia các cuộc họp do bên A tổ chức
IV	**CÔNG TÁC TẠM**			
1	Khu vệ sinh của Ban điều hành, công nhân	X		Bên B dọn dẹp sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường
2	Khu nghỉ giải lao, khu hút thuốc	X		Do Bên A quy định vị trí
3	Hệ thống điện trục chính đến tủ tổng, chiếu sáng khu vực chung	X		
4	Kho bãi vật tư		X	Bãi chứa vật tư theo tiêu chuẩn của Bên A và do BĐH Tổng thầu chỉ định vị trí
5	Kho công cụ dụng cụ nhỏ		X	
7	Cấp điện phục vụ thi công tới tủ điện tổng.	X		
8	Cấp nước phục vụ thi công	X	X	Bên A cung cấp điểm đấu nối nguồn nước cho bên B phục vụ thi công, Bên B tự cung cấp hệ thống phân phối đến vị trí thi công
9	Cấp điện tới phạm vi thi công		X	Bên B có trách nhiệm tự kéo dây nguồn cho thiết bị thi công và chiếu sáng vị trí thi công từ tủ điện nguồn đảm bảo an toàn, quy cách theo quy định của Bên A.
10	Chiếu sáng chung	X		Cổng, hàng rào, lối đi
11	Chiếu sáng tại các khu vực thi công		X	Thiết bị đảm bảo an toàn và đủ ánh sáng khu vực thi công
12	Chi phi sử dụng điện, nước hàng tháng		X	Theo đồng hồ của Bên B, Bên A xuất hóa đơn 1 lần khi quyết toán công trình
13	Bảo vệ an toàn nơi đang thi công trong phạm vi Bên B. Nêu do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu trách nhiệm		X	
14	Các công tác tạm liên quan đến hạng mục công việc		X	Lắp đặt hệ giáo thi công, sàn công tác lưới an toàn, dây cứu sinh, biển cảnh báo, lan can mềm, dây cảnh báo, ván che chắn tại các lỗ mở,... trong toàn bộ thời gian thi công
V	**AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**			

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
1	Hồ sơ pháp lý An toàn Vệ sinh lao động: Hợp đồng lao động đối với công nhân; Cam kết ATLĐ; Chứng chỉ ATLĐ cán bộ; chứng chỉ an toàn công nhân, bằng,...		X	Bên B cung cấp cho bên A Hồ sơ người lao động & HĐLĐ bên B với người lao động: CMND, giấy khám sức khỏe, chứng chỉ nghề, Hợp đồng lao động
2	Danh mục kèm theo nội dung hồ sơ pháp lý ATVSLĐ- PCCN		X	
3	Trang bị bảo hộ Cán bộ, Công nhân viên, bao gồm:			
-	Cán bộ kỹ *thuật: 100%: Mũ trắng có Logo, đeo quai; Áo Zile BHLĐ; có may phàn quang; Giày da mũi sắt, đế lót sắt; Sổ + Thước rút; dây an toàn; găng tay, bộ đàm đúng theo quy định của Bên A*		X	*Mẫu theo thương hiệu của Bên A*
-	*Cõng nhàn: 100% Mũ vàng có logo đeo quai; áo BHLĐ có may phản quang theo đúng quy dịnh của Bên A; 100%) công nhân phải đeo dây àn toàn khi làm việc trên cao*		X	*Mẫu theo thương hiệu của Bên A*
4	Dây an toàn, lưới AT, trang bị đặc thù công việc		X	
5	Kế hoạch An toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ: gồm thuyết minh và bản vẽ biện pháp liên quan		X	
6	Huấn luyện An toàn, Vệ sinh lao động			
-	*Thực hiện ngay trước khi vào công trường: sổ sách có đầy đủ chữ ký nhận của tất cả cán bộ, CNV; bài sát hạch an toàn & lưu trữ hồ sơ huấn luyện theo quy định;*		X	*Bên B cung cấp toàn bộ chứng chỉ ATLĐ đối với toàn bộ cán bộ kỹ thuật*
-	*Huấn luyện cấp chứng chỉ an toàn: Bắt buộc đối với cán bộ kỹ thuật, các loại thợ: hàn, điện máy, làm việc trên cao, hoặc các công việc có yếu tố nguy hiểm rủi ro cao theo quy định của Pháp luật*		X	*Bên B cung cấp toàn bộ chứng chỉ ATLĐ đối với toàn bộ công nhân thi công*
7	Báo cáo an toàn + hình ảnh		X	
8	Biển báo, biển hiệu theo quy định của Vinaconex	X	X	Bên A cấp, Bên B lắp đặt
9	Phòng chống cháy nổ theo quy định Vinaconex:			
	Bình bột cứu hỏa + tiêu lệnh PCCC + bình khi CO2	X	X	Bên A chỉ cung cấp tại các phạm vi chung của công trường. Bên B bố trí tại văn phòng, kho bãi, khu vực thi công riêng của Bên B

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
	Bể nước PCCC, bể cát khô (phi cát khô), bơm, lăng phun	X	X	Bên A cung cấp bể nước PCCC, bơm, lăng phun tại các phạm vi chung của công trường. Bên B bố trí phi cát khô tại văn phòng, kho bãi, khu vực thi công riêng của Bên B
	Chứng chỉ tập huấn PCCC 1 năm/lần/cán bộ thuộc đội PCCC	X		
	Phương án PCCC lập cho gói thầu thi công	X	X	Bên B phối hợp với Bên A lập cho phạm vi thi công của Bên B
10	Phương án sơ cấp cứu, ứng phó tình huống rủi ro:			Hai bên phối hợp
	Lập kế hoạch ứng phó tình huống rủi ro tại công trình		X	
	Trang bị tủ thuốc, vật tư y tế, trang bị sơ cứu cấp cứu...		X	
	Chứng chỉ sơ cứu, cấp cứu 1 năm/lần/cán bộ thuộc đội sơ cứu cấp cứu		X	
11	Khám sức khỏe, bảo hiểm tai nạn lao động:		X	
	Khám sức khỏe trước tuyển dụng		X	
	Khám sức khỏe định kỳ		X	
	Bảo hiểm Tai nạn cho người lao động		X	
12	Bố trí nhân công vệ sinh môi trường lao động, vệ sinh chung công trường:		X	
	Dọn dẹp vệ sinh, vận chuyển phế thải đến vị trí quy định trong công trường		X	Bên B có trách nhiệm mỗi ngày sau khi thi công xong, phải gom rác thải bỏ vào bao vận chuyển đến khu vực tập kết gọn gàng, chuyển vào tank chứa rác.
	Nhà WC trên công trường	X	X	Bên B bố trí công nhân dọn dẹp vệ sinh thường xuyên, 2 lần/ngày
	Thùng gom rác thải sinh hoạt, rác thải theo phân loại		X	
	Bố trí dọn dẹp khu vực nghỉ ngơi giải lao, hút thuốc, cung cấp nước uống, khu huấn luyện an toàn		X	
13	Chế độ chăm sóc sức khỏe, phụ cấp ăn ca, bồi dưỡng độc hại:		X	
14	Sinh hoạt cán bộ, công nhân bên ngoài công trường:		X	

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
	Nhà ở, nhà vệ sinh, nơi sinh hoạt, điều kiện vệ sinh...		X	
	Chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, đi lại, sinh hoạt & an ninh		X	
V	**BIỆN PHÁP THI CÔNG**			
1	Biện pháp thi công tổng thể		X	Theo BPTC đã được phê duyệt
2	Các biện pháp an toàn trong thi công		X	Theo yêu cầu của Bên A
3	Các biện pháp thi công chi tiết khác		X	Theo bản vẽ BPTC đã được phê duyệt và theo tiêu chuẩn
4	Xử lý các vị trí giao nhau giữa cống và hố ga (trong phạm vi được giao) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật		X	
5	Công tác kiểm định, nghiệm thu đưa vào sử dụng cho các thiết bị đặc thù		X	
VII	**CÁC CÔNG TÁC KHÁC**			
1	Hợp tác trao đổi với các nhà thầu khác		X	
2	Tuân thủ về hướng thi công và đảm bảo chất lượng thi công		X	Bên B phải tuân theo yêu cầu kỹ thuật hiện trường về hướng thi công, tiến độ thi công
3	Tiến độ thi công Số lượng công nhân		x	Bên A thông báo tiến độ thực hiện. Bên B phải bố trí đủ nhân công theo kế hoạch cam kết để đảm bảo tiến độ thực hiện theo yêu cầu. Trường hợp thống nhất kế hoạch về Tiến độ mà Bên B không bố trí đủ quân sẽ bị phạt theo Quy chế phạt do Bên A ban hành
4	Bảo vệ sản phẩm, hạng mục thi công xong		X	
5	Sửa chữa các lỗi, khuyết tật do thi công sai, do các đơn vị khác, theo yêu cầu bên A		X	Bên B bố trí nhân lực thực hiện sửa chữa, Bên A xác nhận
6	Trách nhiệm đối với mát mát hoặc hư hỏng đối với vật liệu hoặc các hạng mục thuộc phạm vi công việc của nhà thầu trước khi bàn giao		X	Bảo vệ sản phẩm,các hạng mục của nhà thầu khác khi thi công Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại do lỗi thi công gây ra cho các bên thứ ba (các đơn vị khác)
7	Công tác khảo sát liên quan đến phạm vi công việc của Nhà thầu, bao gồm thiết bị khảo sát.		X	
8	Chi phí vận chuyển xử lý rác thải trong phạm vi công việc hợp đồng	X	X	

STT	Mô tả	Vinaconex (Bên A)	Nhà thầu phụ (Bên B)	Ghi chú
9	Bảo vệ Công trường vòng ngoài	X		
10	Bảo vệ vật tư, vật liệu và các vật tư được bên A cấp trên công trường		X	
11	Khảo sát số liệu kích thước thực tế để gia công		X	
12	Các công viêc khác cần thiết để hoàn thành công việc đúng yêu cầu bản vẽ thiết kế		X	

PHỤ LỤC 2: BẢNG CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG

GÓI THẦU: CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ THI CÔNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC THẢI VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC HẠ TẦNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÂN KHU A – KHU ĐÔ THỊ PHÍA BẮC QUỐC LỘ 5, THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHỐ NỐI

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	QUI CÁCH VẬT TƯ/ ĐỊNH MỨC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		ĐƠN GIÁ TỔNG HỢP	THÀNH TIỀN
					VẬT TƯ	NHÂN CÔNG /MÁY		
A	**THOÁT NƯỚC THẢI**							**636.514.541**
1	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp nối măng keo, đoạn ống dài 5m, đường kính ống 300mm	Ống nhựa gân xoắn 2 lớp Vinaconex cấp vật tư	100m	20,483	-	22.522.294	22.522.294	461.324.138
2	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp nối măng keo, đoạn ống dài 5m, đường kính ống 400mm	Ống nhựa gân xoắn 2 lớp Vinaconex cấp vật tư	100m	2,846	-	23.855.180	23.855.180	67.891.843
3	Thi công ống PVC D110 vào nhà dân, (bịt, cút. Chếch……)	PN5 – Europipe – Việt Nam	md	424	53.379	199.684	253.063	107.298.560
B	**CẤP NƯỚC**							**3.021.382.655**
1	Chiều dài băng cảnh báo	Việt Nam	m	2.917,5	6.237	7.722	13.959	40.725.383
2	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính ống 400mm chiều dày 23,7mm	PN10 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	2,046	181.937.279	23.380.933	##########	420.081.061
3	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 355mm chiều dày 21,7mm	PN10 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	2,45	143.004.523	19.792.622	##########	398.853.004
4	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 225mm chiều dày 13,4mm	PN10 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	8,324	57.223.545	13.962.863	71.186.408	592.555.663
5	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính ống 160mm chiều dày 9,5mm	PN10 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	2,8	29.931.740	9.053.646	38.985.386	109.159.081
6	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm chiều dày 6,6mm	PN10 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	8,155	13.838.351	7.775.673	21.614.024	176.262.366
7	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 50m, đường kính ống 50mm	PN10, dày 3,0mm - Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	25,2349	2.834.237	4.242.348	7.076.585	178.576.903
8	Lắp đặt trụ cứu hoả đường kính 100mm	FHDF-0100-16-D2R – ShinYi – Việt Nam	cái	24	15.409.795	332.640	15.742.435	377.818.442
9	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm chiều dày 6,6mm	PN10 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	0,48	13.838.351	7.775.673	21.614.024	10.374.732
10	Lắp đặt van gang cổng ty chìm 2 chiều BB D100	GVCX-0100-10-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	24	3.503.284	443.124	3.946.408	94.713.785
11	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm	PN5 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	0,24	5.521.441	7.775.673	13.297.114	3.191.307
12	Chụp gang	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	24	534.600	-	534.600	12.830.400
13	Lắp đặt mối nối mềm đường kính 100mm	OD110 – ShinYi – Việt Nam	cái	24	2.031.637	339.768	2.371.405	56.913.716
14	Chụp van	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	25	534.600	-	534.600	13.365.000
15	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn đoạn ống dài 6m, đường kính ống 90mm	PN5 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	0,125	5.501.862	7.803.972	13.305.834	1.663.229
16	Lắp đặt van ren, đường kính van 40mm	RVHT-0040-16-B1 – ShinYi – Việt Nam	cái	25	657.920	124.740	782.660	19.566.509
17	Khâu nối ren D50	Europipe – Việt Nam	cái	50	57.480	40.392	97.872	4.893.610
18	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 400mm, chiều dày 23,7 mm	Europipe – Việt Nam	bộ	1	1.729.835	363.528	2.093.363	2.093.363
19	Lắp bích thép, đường kính ống 400mm	DN400 PN10 – Trung Quốc Việt Nam	cặp bích	1	3.074.852	1.082.268	4.157.120	4.157.120
20	Lắp đặt van 2 chiều, đường kính van 400mm	GVCX-0400-10-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	1	42.094.633	757.944	42.852.577	42.852.577
21	Lắp đặt mối nối mềm đường kính 400mm	OD400 – ShinYi – Việt Nam	cái	1	9.757.722	774.576	10.532.298	10.532.298
22	Chụp mũ van	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	1	534.600	-	534.600	534.600
23	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 355mm, chiều dày 21,7 mm	Europipe – Việt Nam	bộ	2	1.361.322	547.668	1.908.990	3.817.980
24	Lắp bích thép, đường kính ống 350mm	DN350 PN10 – Trung Quốc Việt Nam	cặp bích	2	2.677.592	1.082.268	3.759.860	7.519.719

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	QUI CÁCH VẬT TƯ/ ĐỊNH MỨC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		ĐƠN GIÁ TỔNG HỢP	THÀNH TIỀN
					VẬT TƯ	NHÂN CÔNG /MÁY		
25	Lắp đặt van 2 chiều, đường kính van 350mm	GVCX-0350-10-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	2	23.808.114	756.756	24.564.870	49.129.740
26	Lắp đặt mối nối mềm đường kính 350mm	OD355 – ShinYi – Việt Nam	cái	2	8.749.593	683.100	9.432.693	18.865.385
27	Chụp mũ van	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	2	534.600	-	534.600	1.069.200
28	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 280mm, chiều dày 16,6 mm	Europipe – Việt Nam	bộ	1	987.941	402.732	1.390.673	1.390.673
29	Lắp bích thép, đường kính ống 280mm	DN250 PN10 – Trung Quốc Việt Nam	cặp bích	1	1.444.753	785.268	2.230.021	2.230.021
30	Lắp đặt van 2 chiều, đường kính van 250mm	GVCX-0250-10-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	1	14.044.662	805.464	14.850.126	14.850.126
31	Lắp đặt mối nối mềm đường kính 250mm	OD280 – ShinYi – Việt Nam	cái	1	5.640.119	590.436	6.230.555	6.230.555
32	Chụp mũ van	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	1	534.600	-	534.600	534.600
33	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 225mm, chiều dày 13,4 mm	Europipe – Việt Nam	bộ	4	544.944	308.880	853.824	3.415.296
34	Lắp bích thép, đường kính ống 225mm	DN200 PN10 – Trung Quốc Việt Nam	cặp bích	4	990.891	608.256	1.599.147	6.396.586
35	Lắp đặt van 2 chiều, đường kính van 200mm	GVCX-0200-10-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	4	10.102.895	709.236	10.812.131	43.248.522
36	Lắp đặt mối nối mềm đường kính 200mm	OD225 – ShinYi – Việt Nam	cái	4	4.035.031	516.780	4.551.811	18.207.245
37	Chụp mũ van	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	4	534.600	-	534.600	2.138.400
38	Lắp đặt ống nhựa uPVC nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm	PN5 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	1	5.521.441	9.372.132	14.893.573	14.893.573
39	Lắp đặt van cổng ty chìm, đường kính van 150mm	GVCX-0150-10-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	1	6.476.172	560.736	7.036.908	7.036.908
40	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 160mm, chiều dày 9,5 mm	Europipe – Việt Nam	bộ	1	224.572	250.668	475.240	475.240
41	Lắp bích thép, đường kính ống 150mm	DN150 PN10 – Trung Quốc/Việt Nam	cặp bích	1	534.653	474.012	1.008.665	1.008.665
42	Bu lông M12	Việt Nam	cái	1	17.820	-	17.820	17.820
43	Đai thép 40x4	Việt Nam	cái	1	118.800	-	118.800	118.800
44	Chụp mũ van	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	1	534.600	-	534.600	534.600
45	Lắp đặt ống nhựa uPVC nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm	PN5 – Europipe – Việt Nam ĐG đã gồm thử áp lực, khử trùng, súc xả	100m	7	5.521.441	9.372.132	14.893.573	104.255.014
46	Lắp đặt van cổng ty chìm, đường kính van 100mm	GVCX-0100-10-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	7	3.674.372	443.124	4.117.496	28.822.474
47	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 110mm, chiều dày 6,6 mm	Europipe – Việt Nam	bộ	14	94.363	209.088	303.451	4.248.312
48	Lắp bích thép, đường kính ống 100mm	DN100 PN10 – Trung Quốc Việt Nam	cặp bích	14	358.574	384.912	743.486	10.408.805
49	Bu lông M12	Việt Nam	cái	14	17.820	-	17.820	249.480
50	Đai thép 40x4	Việt Nam	cái	14	118.800	-	118.800	1.663.200
51	Chụp mũ van	RVBC-D2B – ShinYi – Việt Nam	cái	7	534.600	-	534.600	3.742.200
52	Lắp đặt tê nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 355-110mm, chiều dày	Europipe – Việt Nam	cái	5	2.963.822	362.340	3.326.162	16.630.812
53	Lắp đặt tê nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 280-225mm, chiều dày 16,6mm	Europipe – Việt Nam	cái	2	4.939.624	258.984	5.198.608	10.397.217
54	Lắp đặt tê nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 225mm, chiều dày 13,4mm	Europipe – Việt Nam	cái	2	1.616.630	196.020	1.812.650	3.625.301
55	Lắp đặt tê nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 225-110mm, chiều dày 13,4mm	Europipe – Việt Nam	cái	11	1.374.176	196.020	1.570.196	17.272.159
56	Lắp đặt tê nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 160-110mm, chiều dày 9,5mm	Europipe – Việt Nam	cái	2	418.568	159.192	577.760	1.155.520
57	Lắp đặt tê nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 110mm, chiều dày 6,6mm	Europipe – Việt Nam	cái	3	224.572	134.244	358.816	1.076.449
58	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 400mm, chiều dày 23,7mm	Europipe – Việt Nam	cái	8	4.131.309	326.700	4.458.009	35.664.074

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	QUI CÁCH VẬT TƯ/ ĐỊNH MỨC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		ĐƠN GIÁ TỔNG HỢP	THÀNH TIỀN
					VẬT TƯ	NHÂN CÔNG /MÁY		
59	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 225mm 45 độ, chiều dày 13,4mm	Europipe – Việt Nam	cái	2	808.315	272.052	1.080.367	2.160.734
60	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 110mm 45 độ, chiều dày	Europipe – Việt Nam	cái	4	125.738	186.516	312.254	1.249.016
61	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 160-110mm, chiều dày 9,5mm	Europipe – Việt Nam	cái	1	203.017	220.968	423.985	423.985
62	Lắp đai khởi thuỷ đường kính ống 110x50mm	Europipe – Việt Nam	cái	14	102.267	147.312	249.579	3.494.100
C	**SAN NỀN – NHÂN CÔNG LẮP ỐNG LUỒN CÁP THÔNG TIN**							**220.229.883**
1	Lắp đặt ống nhựa luồn cáp u.PVC	Đường kính D60 Vinaconex cấp vật tư	md	8.059,943	-	27.324	27.324	220.229.883
D	**CÔNG TÁC ĐÀO ĐẮP GIAO THÊM CHO NTP ME (THEO BOQ HỢP ĐỒNG)**							**629.280.328**
D.1	***Thoát nước thải – rãnh ống gân xoắn***							***322.882.492***
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào, đất cấp I		100m3	53,3239	-	2.732.400	2.732.400	145.702.224
2	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào, đất cấp I		100m3	5,4093	-	2.732.400	2.732.400	14.780.371
3	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	Đất/ cát tận dụng	100m3	54,6801	-	2.970.000	2.970.000	162.399.897
D.2	***Cấp nước – rãnh ống, hố xả khí, nước dịch vụ***							***196.134.522***
4	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào, đào cát		100m3	31,5103	-	2.766.852	2.766.852	87.184.337
5	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	Đất/ cát tận dụng	100m3	30,4951	-	2.970.000	2.970.000	90.570.447
6	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào, đào cát		100m3	0,0554	-	2.766.852	2.766.852	153.284
7	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	Đất/ cát tận dụng	100m3	0,0168	-	2.970.000	2.970.000	49.896
8	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào, đào cát		100m3	6,5694	-	2.766.852	2.766.852	18.176.558
D.3	***Thông tin liên lạc – rãnh ống luồn cáp, hố ga cáp***							***110.263.314***
9	Đào móng đường ống bằng máy đào 0.4m3		100m3	19,0408	-	2.387.880	2.387.880	45.467.146
10	Đắp cát công trình bằng máy đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0.95 (Vật liệu cát tận dụng)	Đất/ cát tận dụng	100m3	19,0408	-	2.970.000	2.970.000	56.551.176
11	Đào móng hố ga bằng máy đào 0,4 m3		100m3	2,6929	-	2.387.880	2.387.880	6.430.322
12	Đắp cát công trình bằng máy đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,95	Đất/ cát tận dụng	100m3	0,611	-	2.970.000	2.970.000	1.814.670
	GIÁ HỢP ĐỒNG CHƯA THUẾ							**4.507.407.407**
	Thuế VAT (8%)							**360.592.593**
	GIÁ HỢP ĐỒNG BAO GỒM THUẾ							**4.868.000.000**

PHỤ LỤC 3

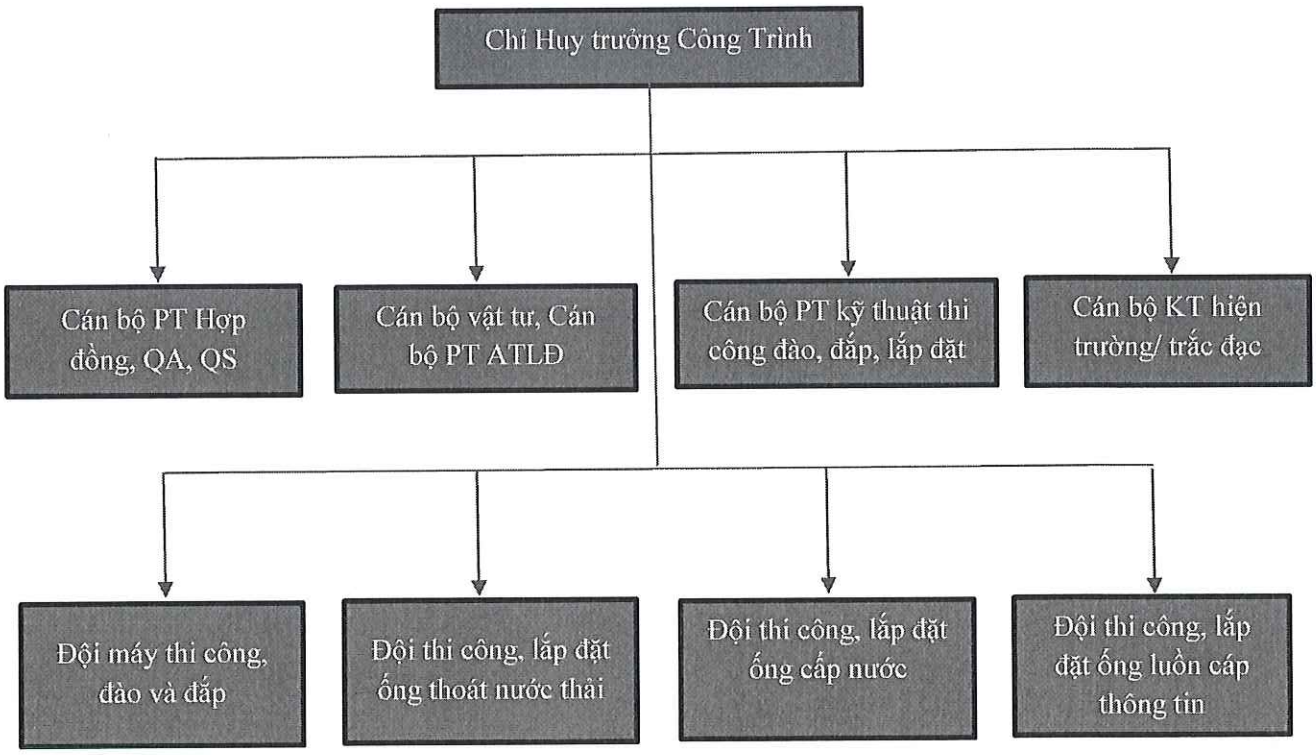
PHƯƠNG PHÁP ĐO BÓC KHỐI LƯỢNG

(Của hợp đồng thầu phụ số: : 0211/2026/PNA/HĐTP/VC-VW3 ký ngày 02 tháng 11 năm 2026 giữa Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng và CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3)

1. Các hạng mục tính toán tuân thủ theo phương pháp đo bóc khối lượng trong hợp đồng giữa Nhà thầu chính (bên A) và Chủ đầu tư. Khối lượng công việc sẽ được tính toán theo thực tế triển khai thi công và căn cứ trên bản vẽ thiết kế được phê duyệt, được bên A nghiệm thu, xác nhận.
2. Nhà Thầu phụ có trách nhiệm giải trình, bảo vệ khối lượng thi công cùng Thầu chính để được sự chấp thuận của Chủ đầu tư/ Tư vấn (nếu cần).

PHỤ LỤC 4

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TRƯỜNG & DANH SÁCH CÁN BỘ, KỸ SƯ CHỦ CHỐT



DANH SÁCH CÁN BỘ, KỸ SƯ CHỦ CHỐT

STT	Họ và tên	Vị trí
1	Đỗ Minh Đức	Chỉ huy trưởng công trường
2	Nguyễn Trung Kiên	Cán bộ phụ trách Hợp đồng, QA, QS
3	Bùi Thái Quảng	Cán bộ PT kỹ thuật thi công đào, đắp, lắp đặt
4	Đinh Trung Dũng	Cán bộ KT hiện trường/ trắc đạc
5	Nguyễn Văn Hải	Cán bộ vật tư, lái máy
6	Nguyễn Thị Thu Lan	Cán bộ phụ trách ATLĐ

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC, TIẾN ĐỘ HUY ĐỘNG THIẾT BỊ VÀ TIẾN ĐỘ THI CÔNG

Nhà thầu đảm bảo theo yêu cầu dự án.

Các biên bản họp thống nhất về Tiến độ giữa Ban chỉ huy công trường của Hai bên sẽ là một phần của hợp đồng này.

PHỤ LỤC 6

PHẠT KHI VI PHẠM NỘI QUY CÔNG TRƯỜNG

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
1	**Trình nộp hồ sơ**		
1.1	Không trình nộp biện pháp làm việc an toàn, đánh giá rủi ro công việc trước khi bắt đầu thi công.	1.000.000	Không cho thi công, khắc phục ngay lập tức
1.2	Không nộp đủ hồ sơ người lao động (hợp đồng lao động, photo chứng minh thư, thẻ an toàn, giấy khám sức khỏe, cấp phát bảo hộ cá nhân, hồ sơ huấn luyện an toàn v.v) – phạt theo đầu người.	500.000	Không cho vào thi công tại Dự án.
2	**Vi phạm nội quy công trình**		
2.1	Không đeo thẻ hoặc mượn thẻ người khác vào công trường	100.000	Không cho làm việc trong công trường
2.2	Hút thuốc trên công trường (không đúng nơi quy định).	100.000	Đuổi ra khỏi công trường nếu tái phạm
2.3	Ngủ/Nghỉ giải lao không đúng nơi quy định trên công trường (phạt theo đầu người).	200.000	Đuổi ra khỏi công trường nếu tái phạm
2.4	Đánh bài, hội họp nhóm làm ầm ĩ gây ảnh hưởng đến công trường (Phạt theo đầu người)	5.000.000	Yêu cầu chấm dứt.
2.5	Phá hoại, trộm cắp,làm hư tài sản, thiết bị.	2.000.000	Đền bù thiệt hại theo giá trị đã đập phá, đuổi ra khỏi công trường, giao cho cơ quan chức năng xử lý
2.6	Uống hoặc có mùi rượu bia khi đang ở trong công trường (phạt theo đầu người).	1.000.000	Không cho thi công hôm đấy
2.7	Gây gổ, đánh nhau trong công trường.(phạt theo đầu người)	1.000.000	Khiển trách, đuổi ra khỏi công trường hôm đó.
2.8	Không trang bị bình chữa cháy ở kho, văn phòng...	300.000	Khắc phục ngay lập tức
2.9	Đe dọa hoặc có hành vi đe dọa, sử dụng từ ngữ hoặc hành vi không đứng đắn với nhân viên an toàn và các cán bộ quản.	1.000.000	Đuổi ra khỏi công trường
2.10	Không tham gia vào các buổi tập huấn hoặc hoạt động an toàn trên công trường, vệ sinh công trường, TBM (phạt theo đầu người).	200.000	Khiển trách, không cho vào công trường ngày hôm đó.
3	**Họp/Nghiệm thu**		
3.1	Không tham dự các buổi họp an toàn, nghiệm thu, buổi hướng dẫn hoặc họp khẩn cấp.	500.000	Nhà thầu báo cáo lý do nếu tái phạm đình chỉ công việc cán bộ vắng mặt.
3.2	Không nộp báo cáo tuần, tháng	500.000	Báo cáo lý do, khắc phục ngay lập tức
3.3	Bỏ/ vắng mặt cuộc họp không lý do.	500.000	Nhà thầu báo cáo lý do nếu tái phạm đình chỉ công việc cán bộ vắng mặt.
4	**Phương tiện bảo vệ cá nhân**		

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
4.1	Không sử dụng mũ, áo bảo hộ lao động, dầy an toàn, áo phản quang khi vào công trường.	100.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
4.2	Không sử dụng các dụng cụ bảo hộ theo yêu cầu công việc: dây đeo an toàn, kính bảo hộ, kính hàn, dây căng dọc tuyến, khẩu trang, mặt nạ phòng hơi... khi thi công các hạng mục công việc chuyên biệt (phạt theo đầu người).	500.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
4.3	Không móc dây an toàn khi làm việc trên cao >=2 m (phạt theo đầu người).	500.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
4.4	Không có dây cứu sinh/ lan can an toàn.	500.000	Khắc phục ngay lập tức
5	**Lối đi/ vệ sinh công trường, môi trường**		
5.1	Vứt vật liệu bừa bãi gây cản trở lối đi.	300.000	Khắc phục ngay lập tức
5.2	Không vệ sinh công trường hoặc vệ sinh không triệt để.	300.000	Khắc phục ngay lập tức
5.3	Đại tiện tiểu tiện bừa bãi trên công trường không đúng nơi quy định.	500.000	Đuổi ra khỏi công trường hôm đó
5.4	Ăn uống không đúng nơi quy định	100.000	Yêu cầu ăn uống đúng nơi quy định.
5.5	Xả rác thải không đúng nơi quy định.	200.000	Khắc phục ngay lập
5.6	Không dọn rác đúng lịch với Thầu chính	500.000	Thực thi khắc phục ngay.
6	**Thang, giàn giáo, sàn thao tác**		
6.1	Đặt thang không đúng cách khi sử dụng gây mất an toàn.	300.000	Khắc phục ngay lập tức
6.2	Sử dụng thang chữ A cao hơn 1,7m từ chỗ đứng mà không có người giữ bên dưới.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
6.3	Sử dụng/ giàn giáo thiếu giằng.	2.000.000	Khắc phục ngay lập tức
6.4	Di chuyển giàn giáo di động khi có công nhân đang làm việc trên đó.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
6.5	Không có dây cứu sinh khi lắp dựng hoặc tháo dỡ giàn giáo.	200.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
6.6	Thành phần của giàn giáo thiếu hoặc bị hư hỏng như giằng chéo, kẹp, v.v...	300.000	Khắc phục ngay lập tức
6.7	Chân giáo không được đặt tại nơi vững chắc.	500.000	Khắc phục ngay lập tức
6.8	Sàn thao tác, giàn giáo không an toàn.	1.000.000	Khắc phục ngay lập tức
6.9	Không bố trí hoặc bố trí sàn thao tác không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi thi công trên cao	1.000.000	Khắc phục ngay lập tức
7	**Biện pháp đảm bảo an toàn lao động**		
7.1	Rào chắn/ lan can an toàn không đúng thiết kế, tiêu chuẩn.	500.000	Thay thế lan can đạt tiêu chuẩn
7.2	Không thực hiện công việc theo đúng Biện pháp thi công an toàn.	1.000.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
7.3	Không áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn gây tử vong hoặc thương tật (Các hình thức phạt hành chính hoặc phạt do gây tai nạn của cơ quan chức năng sẽ được áp dụng đồng thời).	10.000.000	Đình chỉ thi công, họp trình biện pháp khắc phục
7.4	Không che chắn các hố sâu.	300.000	Khắc phục ngay lập tức nếu tái phạm đình chỉ thi công

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
7.5	Tháo dỡ lan can an, biển báo và các thiết bị an toàn khi chưa được sự đồng ý của Ban An Toàn.	500.000	Khắc phục ngay lập tức nếu tái phạm đình chỉ thi công
7.6	Tập kết quá thời gian, không di chuyên vật liệu, phế thải ra khỏi công trường	300.000	Di chuyển ngay
7.7	Để vật liệu gần gờ,cạnh	200.000	Khắc phục ngay lập tức
7.8	Ném vật liệu từ trên cao xuống.	200.000	Đuổi ra khỏi công trường
7.9	Không lập hàng rào biển báo trong phạm vi thi công.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
7.10	Thợ (Thợ điện, Thợ hàn...) không có chứng chỉ hợp lệ trước khi bắt đầu công việc.	200.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
7.11	Không có đủ ánh sáng phục vụ thi công.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
7.12	Không thực hiện/Tuân thủ các tín hiệu an toàn.	100.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
7.13	Không đặt biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm.	500.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
8	**Công việc phát sinh nhiệt, phòng chống cháy nổ**		
8.1	Không có bình cứu hỏa đi kèm.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
8.2	Để xảy ra cháy do chập điện, khi hàn	1.000.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
8.3	Không thực hiện biện pháp ngăn ngừa xỉ hàn, tia lửa rơi xuống tầng dưới.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức nếu tái phạm đình chỉ thi công
8.4	Không áp dụng hệ thống giấy phép làm việc (Bất kỳ giấy phép làm việc được ban hành bởi Ban An Toàn)	200.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức nếu tái phạm đình chỉ thi công
8.5	Bố trí kho chứa các vật liệu dễ gây cháy, nổ không đúng nơi quy định.	200.000	Khắc phục ngay lập tức theo quy định
9	**Công việc nâng**		
9.1	Nâng mà không có nhân viên giám sát, nhân viên móc cẩu và nhân viên xi nhan.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
9.2	Đứng trên và dưới tải đang treo hoặc đi qua khu vực cẩu đang hoạt động.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
9.3	Không có công tắc giới hạn chiều cao nâng tại đầu cần; công tắc giới hạn góc dựng cần; thiết bị báo tải.	200.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
10	**Điện/Dụng cụ/ Máy móc/ Thiết bị phục vụ thi công**		
10.1	Không có bảo vệ bộ phận chuyển động.	100.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
10.2	Để công cụ, máy móc thiết bị đang hoạt động mà không có người vận hành; không tắt máy móc thiết bị sau khi sử dụng.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức nếu tái phạm đình chỉ thi công
10.3	Sử dụng ổ cắm không đúng chủng loại chịu thời tiết đã được phê duyệt	100.000	Khắc phục ngay lập tức

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
10.4	Nối dây trực tiếp vào ổ cắm, dây điện bị hỏng hoặc bị hở	200.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
10.5	Tủ điện không đảm bảo đúng tiêu chuẩn, không lắp đặt Aptomat chống giật.	500.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
10.6	Dây điện, cáp điện neo buộc, tiếp xúc với kết cấu kim loại (giàn giáo, lan can bằng sắt, v.v.) mà không có lớp bảo vệ cách ly giữa kim loại và dây điện/cáp điện.	300.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
10.7	Đặt ổ cắm, phích cắm, dây điện nằm trên mặt đất ẩm ướt.	100.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức
11	**Cơ quan chức năng**		
11.1	Không tuân thủ các yêu cầu của cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường xung quanh, tiếng ồn, vi phạm về hành chính với chính quyền, quận, phường, xã.	500.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức theo yêu cầu của cơ quan chức năng + Số tiền cơ quan chức năng phạt
11,2	Bị cơ quan chức năng yêu cầu tạm ngừng thi công (Cho dù là trực tiếp hay gián tiếp vi phạm)	1.000.000	Dừng thi công và khắc phục ngay lập tức theo yêu cầu của cơ quan chức năng
12	**Biển báo ATLD / Biển thương hiệu**		
12.1	Không sử dụng Thương hiệu/Biển báo ATLĐ được quy định bởi Nhà thầu chính cho gói thầu thi công.	5.000.000	Đuổi chỉ huy trưởng. Yêu cầu áp dụng toàn bộ thương hiệu và biển bảo ATLĐ, biển cảnh báo do Nhà thầu chính quy định
12.2	Tự ý treo lắp đặt các loại biển báo (không được Nhà thầu chính quy định) mà không xin phép Nhà thầu chính.	2.000.000	Tháo dỡ toàn bộ các biển báo sai quy cách, quy định về biển bảng, thương hiệu. Lắp đặt bằng biển bảng đúng quy định của Nhà thầu chính.
12.3	Công nhân không mặc áo đồng phục có logo thương hiệu Vinaconex (tính theo đầu người)	200.000	Nhắc nhở đội trưởng, cá nhân người lao động
13	**CHẤT LƯỢNG CẤU KIỆN HẠNG MỤC DỰ ÁN**		
	Đối với công tác bê tông		
13.1	Vi phạm chất lượng các cấu kiện bê tông (rỗ, hở thép, nứt) theo TCVN	2.000.000	Đục bê tông, xử lý lại bằng vữa sika grouting, thậm chí đập bỏ thi công lại
13.2	Vi phạm quy cách con kê bê tông	2.000.000	Yêu cầu Nhà thầu phải khắc phục ngay
13.3	Vi phạm quy trình đục tẩy, vệ sinh các mạch ngừng bê tông, các vị trí tiếp giáp giữa bê tông cũ và mới, các vị trí bê tông bị rỗ....	1.000.000	Yêu cầu Nhà thầu phải khắc phục ngay
13.4	Không thực hiện đúng biện pháp thi công để xử lý bê tông rỗ.	1.000.000	Yêu cầu Nhà thầu phải khắc phục ngay
13.5	Lỗi cố tình vi phạm chất lượng bê tông như bơm nước vào bê tông tươi.	2.000.000	Yêu cầu đưa ra ngoài công trường và cấm lái xe vi phạm vào công trường.
13.6	Sàn bê tông bị lồi lõm sau khi đổ bê tông ngoài giới hạn cho phép theo TCVN	2.000.000	Yêu cầu xử lý bằng vữa sika

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
13.7	Để vật tư, thiết bị... lên sàn bê tông trong quá trình bảo dưỡng	1.000.000	Khắc phục vi phạm ngay lập tức
13.8	Kéo dài thời gian đổ bê tông so với quy định.	1.000.000	Không sử dụng xe bê tông đã quá thời gian
13.9	Trộn bê tông không đúng thiết kế cấp phối đã được chủ đầu tư phê duyệt (Trường hợp trộn bê tông bằng máy tại công trường). Nghiêm cấm trộn bê tông bằng tay	1.000.000	Đồng thời phải dừng thi công, dỡ bỏ toàn bộ bê tông đã đổ
13.10	Bê tông sau khi trộn không được vận chuyển bằng các dụng cụ chuyên dụng, làm mất nước bê tông hoặc lẫn tạp chất...	2.000.000	Đồng thời phải dừng thi công, dỡ bỏ toàn bộ bê tông đã đổ
	Đối với công tác thép		
13.11	Vi phạm công tác bảo quản, vệ sinh thép đưa vào thi công	1.000.000	Vệ sinh sạch sẽ thép trước khi đưa vào sử dụng. Nếu thép bị hoen gỉ yêu cầu đưa ra khỏi công trường
13.12	Vi phạm tiêu chuẩn thi công, quy chuẩn, quy trình thi công lắp dựng cốt thép	1.000.000	Tháo dỡ toàn bộ thép cấu kiện đã thi công
13.13	Gia công lắp dựng thép hoen ố, gỉ, có vẩy vào thi công	1.000.000	Yêu cầu tháo dỡ, thi công lại
13.14	Sử dụng hàn điện, hàn hơi khi gia công lắp dựng cốt thép	1.000.000	
	Đối với công tác Coppha		
13.15	Vi phạm quy trình thi công côp-pha	1.000.000	Tháo dỡ toàn bộ cốp pha cấu kiện đã thi công
13.16	Không dọn vệ sinh sạch đã thực hiện ghép cốp pha sàn	1.000.000	Tháo dỡ và vệ sinh lại toàn bộ
13.17	Sau khi ghép cốp pha, Chủ đầu tư kiểm tra xác xuất 10-20%, nếu chân cột, chân vách chưa dọn vệ sinh, bị rơi rác thải, vữa...	1.000.000	Tháo dỡ và vệ sinh lại toàn bộ
13.18	Tháo dỡ ván khuôn sàn, cột sớm hơn so với Quy định kỹ thuật	2.000.000	Nếu có hiện tượng, sự cố ảnh hưởng đến kết cấu đó thì nhà thầu phải xử lý theo ý kiến của Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế
	Đối với xử lý sự cố		
13.19	Chậm xử lý sự cố chất lượng cấu kiện	1.000.000	
	Đối với công tác hoàn thiện xây trát, ốp lát, sơn bả, trần cửa		
13.20	Không đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật	1.000.000	Buộc phá bỏ và làm lại
13.21	Không trộn vữa xây bằng tay, yêu cầu trộn vữa bằng máy, chuyển vữa bằng hộp tôn tuyệt đối không đổ vữa xuống sàn.	1.000.000	Buộc phá bỏ và làm lại
13.22	Không khoan râu thép để liên kết tường hoặc thi công sai quy cách	1.000.000	
13.23	Không bố trí hộc đong cấp phối	1.000.000	

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
13.24	Dùng vữa khô (hỗn hợp cát – xi măng, chưa có đủ nước theo cấp phối) để thi công (đặc biệt là công tác láng nền và trát); Không trát đúng biện pháp được duyệt hoặc tiêu chuẩn xây dựng; Không bảo dưỡng sau khi trát đúng quy định....	1.000.000	Yêu cầu Nhà thầu dừng ngay lập tức các công tác đang thi công, dỡ bỏ toàn bộ phần đã thi công bằng vữa khô và yêu cầu thực hiện đúng biện pháp thi công được duyệt, đúng tiêu chuẩn, quy định và làm các thí nghiệm chứng minh chất lượng .
13.25	Không có biên pháp bảo vệ phù hợp khi xây, trát, ốp, lát, láng nền, trần.... gây ảnh hưởng đến chất lượng, thẩm mỹ.... các công tác khác đã thi công	2.000.000	Yêu cầu Nhà thầu khắc phục ngay
	Đối với công tác trắc đạc		
13.26	Không bật mực vị trí tim trục lên cột, vách, tường xây	1.000.000	
13.27	Bật mực sai làm ảnh hưởng đến các công tác có liên quan	2.000.000	Buộc thực hiện đúng quy trình, biện pháp thi công, quy chuẩn tiêu chuẩn đã được phê duyệt và chịu mọi trách nhiệm về chi phí phát sinh với các bên liên quan
13.28	Trắc đạc sai cao độ, vị trí cấu kiện, hạng mục công trình	2.000.000	Buộc thực hiện đúng quy trình, biện pháp thi công, quy chuẩn tiêu chuẩn đã được phê duyệt và chịu mọi trách nhiệm về chi phí phát sinh liên quan
13.29	Bắn sai vị trí, hướng cột vách, cầu thang bộ...	2.000.000	Buộc thực hiện đúng quy trình, biện pháp thi công, quy chuẩn tiêu chuẩn đã được phê duyệt và chịu mọi trách nhiệm về chi phí phát sinh liên quan
	Đối với công tác cấp thoát nước		
13.30	Các đầu ống cấp, thoát nước chờ lắp thiết bị không có nút bịt	500.000	Lắp nút bịt
13.31	Dùng nhiệt tháo các phụ kiện đã dán cứng để tận dụng lại.	500.000	Thay phụ kiện mới
	Các hạng mục/ hoặc công việc khác		
13.32	Đối với các hạng mục/công việc không được nêu cụ thể ở trên thì căn cứ vào mức độ vi phạm kỹ thuật tương tự của hạng mục/công việc để áp dụng mức phạt cho phù hợp.		
14	**VẬT LIỆU THI CÔNG**		
14.1	Không kiểm tra vật tư, vật liệu xây dựng hoặc cấu kiện xây dựng theo quy định hoặc sử dụng kết quả kiểm tra của phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn.	2.000.000	Yêu cầu thực hiện lại đúng quy định.

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
14.2	Sử dụng vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, thiết bị công nghệ không có chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.	2.000.000	Yêu cầu dỡ bỏ, thi công lại.
14.3	Vật liệu đưa vào sử dụng sai quy cách, chủng loại so với điều khoản Hợp đồng đã ký kết	2.000.000	Yêu cầu tháo dỡ, thi công lại
14.4	Chậm chuyển vật liệu không đạt yêu cầu chuyển ra ngoài công trường trong vòng 2 ngày.	2.000.000	
15	**NHÂN CÔNG THI CÔNG**		
15.1	Vi phạm quản lý nhân công trên công trường, để nhân công làm việc lẫn lộn giữa các nhà thầu khác nhau.	2.000.000	
15.2	Vi phạm cam kết về nhân lực thi công.	1.000.000	
16	**TIẾN ĐỘ THI CÔNG CHI TIẾT DỰ ÁN, TIẾN ĐỘ RẢI RỘNG THIẾT BỊ, TIẾN ĐỘ HOÀN TRẢ MẶT BẰNG**		
16.1	Chậm các mốc tiến độ thi công các hạng mục thuộc đường gang đã được Chủ đầu tư (Ban QLDA) phê duyệt, hoặc nhà thầu đã cam kết thực hiện nhưng vi phạm.	2.000.000	Thành lập hội đồng đánh giá, xem xét thay thế nhà thầu khác nếu không đáp ứng yêu cầu làm ảnh hưởng nghiệm trọng đến tiến độ dự án.
16.2	Chậm tiến độ thi công chi tiết xây căn hộ	1.000.000	
16.3	Chậm tiến độ thi công chi tiết láng, trát, điện, nước, điện nhẹ, điều hòa không khí....	1.000.000	
16.4	Chậm dọn thiết bị thi công sau khi kết thúc thi công	1.000.000	
16.5	Chậm hoàn trả mặt bằng sau khi kết thúc thi công để bàn giao cho đơn vị thi công khác	1.000.000	BĐH sẽ thuê nhà thầu khác vào (vệ sinh công nghiệp hộ) và vận chuyển toàn bộ ra bãi phế thải. Tất cả chi phí nói trên sẽ được trừ vào đợt thanh toán gần nhất của nhà thầu. Đồng thời Nhà thầu sẽ phải chịu toàn bộ các thiệt hại nếu có xảy ra trong quá trình vận chuyển nói trên
16.6	Chậm trễ trong việc bịt các lỗ kỹ thuật, lỗ mở sàn, lỗ biện pháp.. làm ảnh hưởng đến ATLĐ	1.000.000	Ngoài ra tùy theo mức độ nghiêm trọng của lỗi vi phạm nhà thầu sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan chức năng liên quan .
17	**VI PHẠM QUY TRÌNH KỸ THUẬT**		
17.1	Thi công sai quy trình thi công ảnh hưởng đến chất lượng cấu kiện sản phẩm	2.000.000	Dỡ bỏ, thi công theo đúng thiết kế

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)	Hành động kèm theo/ khắc phục
17.2	Thi công gây ảnh hưởng đến sản phẩm của nhà thầu khác trong cùng mặt bằng	2.000.000	Đề ra phương án xử lý. Nếu được CĐT và nhà thầu bị hại chấp thuận thì phải xử lý theo phương án đó
17.3	Vi phạm quy trình thi công sika cổ cột , vách	2.000.000	
18	**VI PHẠM QUY ĐỊNH KHÁC**		
18.1	Không cập nhật bản vẽ thi công do Chủ đầu tư phát hành	2.000.000	Buộc phải cập nhật ngay lập tức.
18.2	Không có sổ nhật ký thi công, không cập nhật nhật ký thi công hàng ngày được Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát xác nhận.	1.000.000	Yêu cầu mở và/hoặc cập nhật nhật ký thi công
18.3	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	2.000.000	
18.4	Nhà thầu có hành vi nghiệm thu khống (bao gồm nhưng không giới hạn bởi nghiệm thu khống khối lượng, chất lượng, an toàn…)	2.000.000	Huỷ kết quả nghiệm thu, thực hiện nghiệm thu lại theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư
18.5	Nhà thầu không bố trí đủ cán bộ trên công trường hoặc năng lực cán bộ trên công trường không đạt yêu cầu	2.000.000	Yêu cầu chấn chỉnh lại công tác bố trí cán bộ, đưa cán bộ giám sát không đủ năng lực ra khỏi công trường.
18.6	Cán bộ các Nhà thầu (Đơn vị thi công, bảo vệ, giám sát thi công xd…..) có thái độ làm việc không hợp tác, hoặc không ký vào biên bản vi phạm khi cán bộ Chủ đầu tư, TVGS lập.	2.000.000	Cảnh cáo toàn công trường
18.7	Nhà thầu không hoàn thành các công việc đúng thời hạn theo kết luận trong cuộc họp giao ban hàng tuần.	2.000.000	Cảnh cáo toàn công trường
18.8	Chủ nhiệm, chỉ huy trưởng, cán bộ không tham gia hoặc đến muộn không có lý do các cuộc họp giao ban, họp xử lý kỹ thuật, an toàn theo yêu cầu của Chủ đầu tư	1.000.000	Cảnh cáo toàn công trường

Trong trường hợp Chủ đầu tư có quy định mức phạt cao hơn cho mỗi vi phạm nêu trên và chi tiết hơn các đầu mục phạt, thì áp dụng mức phạt của Chủ đầu tư

PHỤ LỤC 7

MẪU BẢO LÃNH HỢP ĐỒNG - BẢO LÃNH TẠM ỨNG - BẢO LÃNH BẢO HÀNH

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[ghi tên Thầu chính] (sau đây gọi là Thầu chính)

Theo đề nghị của [ghi tên nhà thầu phụ] (sau đây gọi là nhà thầu phụ) là nhà thầu đã trúng thầu/được tham gia gói thầu [ghi tên gói thầu] và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là Hợp đồng); Theo quy định trong Hợp đồng, Nhà thầu phụ phải nộp cho Nhà thầu chính bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, [ghi tên của ngân hàng] ở [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu phụ với số tiền là [ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Chúng tôi cam kết vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phụ phải xem xét trước, thanh toán cho Nhà thầu chính bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Nhà thầu chính thông báo nhà thầu phụ vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi Nhà thầu phụ phát hành Bảo lãnh bảo hành.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

....., ngày.....tháng..... năm.....

Kính gửi: ..... (ghi tên Nhà thầu chính)

(Sau đây gọi là Nhà thầu chính)

[điền tên Hợp đồng, số Hợp đồng

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của Hợp đồng.....(sau đây gọi tắt là Hợp đồng),[điền tên và địa chỉ của Nhà thầu phụ] (sau đây gọi là Nhà thầu phụ) phải nộp cho Nhà thầu chính một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu phụ sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng,

Chúng tôi, [điền tên của Ngân hàng] ở [điền tên nước] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của Ngân hàng.....] (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Nhà thầu phụ, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phụ phải xem xét trước, thanh toán cho Nhà thầu chính khi Nhà thầu chính có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu phụ nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho tới khi Nhà thầu chính thu hồi hết số tiền tạm ứng.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

BẢO LÃNH BẢO HÀNH

……., ngày …..tháng……năm ……

Kính gửi:……(Ghi tên Nhà thầu chính)
(sau đây gọi là "***Nhà thầu chính***")
(Ghi tên Hợp đồng, số Hợp đồng, ngày tháng ký Hợp đồng)

Theo điều khoản về bảo hành của Hợp đồng……(sau đây gọi tắt là "Hợp đồng"), [Ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu phụ] (sau đây gọi tắt là ***"Nhà thầu phụ***") phải nộp cho Nhà thầu chính một bảo lãnh Ngân hàng để đảm bảo trách nhiệm bảo hành công trình Nhà thầu phụ.

Chúng tôi, [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là "***Ngân hàng***"), theo yêu cầu của Nhà thầu phụ, cam kết vô điều kiện, không hủy ngang thanh toán cho Nhà thầu chính một khoản tiền không vượt quá [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ] khi nhận được văn bản yêu cầu của Nhà thầu chính thông báo vi phạm của Nhà thầu phụ đối với điều khoản về bảo hành của Hợp đồng mà không cần xác nhận của Nhà thầu phụ.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày…..tháng…..năm ……cho đến hết ngày…..tháng….năm ……hoặc khi hết thời hạn bảo hành theo quy định của Hợp đồng tùy thời điểm nào đến muộn hơn.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 8

HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA THẦU PHỤ

(NTP đính kèm bản sao y đăng ký kinh doanh theo phụ lục này)